

TUẦN BÁO RA NGÀY THU BAY

THANH NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm : VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY

- Mười bảy tháng sáu dương lịch L. H. V.
- Hiểu « Dân vì quý » như thế nào ? BÌNH GIA TRINH
- Ý kiến bạn đọc : Sở Thú-y với việc
kiến thiết nước Việt-Nam mới NGUYỄN-VĂN-CHẾ
- Nạn nhân-mãn và việc di-dân VŨ-ĐÌNH-HÒE
- Điều tra về tổ chức thanh-niên ở
hạt Hoài-đức (I) Từ sau ngày
đảo-chính tới nay BÌNH GIA TRINH
- Con Rùa (chuyện ngắn
của Pirandello) NGUYỄN-QUÝ-BÌNH dịch
- Một tâm hồn nghệ sĩ (nguyên
văn của Somerset Maugham -
tiếp theo) LÊ ĐÌNH CHÂN dịch

NĂM THỨ NĂM : SỐ 115 - NGÀY 7 tháng bảy 1945

TÒA BÁO : 15 PHỐ HÀNG ĐA HÀNỘI Giấy in : 19.43 GIÁ 1 \$20

ĐIỀU BÁO. - BẮC-KỲ, TRUNG-KỲ, NAM-KỲ, CAO-MIỀN, LAO 3 th 15\$00, 6 th 30\$00, 12 th 55\$00

BÁO THANH - NGHỊ

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP
VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA
DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ THUẬT CHÂN CHÍNH

Trong số ngày 13 tháng 7 1945

- | | |
|--|--------------------|
| — Trùng thanh lại trị. | BUI-TƯỜNG-CHIỀU |
| — Không-khí chính-trị. | H. V. |
| — Điều tra về Thanh-niên ở hạt Hoài-dức. | ĐINH GIA TRINH |
| — Nước Tàu kiến thiết lại (Nguyên Pháp văn của J. Escarra) | T. T dịch |
| — Hoạn nạn (Tiếp theo) | PHẠM GIA KÍNH |
| — Một tài liệu cho euôn Hắc-Thư. | *** |
| — Một tâm hồn nghệ sĩ (Tiếp theo) | LÊ ĐÌNH CHÂN dịch |
| — Nhật xuất (Kịch bốn màn của Tào Ngưu — Tiếp theo). | ĐẶNG THAI MAI dịch |

14 SỐ ĐẦU THANH - NGHỊ TÀI BẢN

Vì có sự thay đổi về địa-chỉ, nên chúng
tôi chưa gửi tới các bạn đã đặt mua. Muốn
cần thận xin các bạn cho biết địa chỉ lại
và nhân tiện gửi cho cả giấy biên-lai. Bạn
nào ở Hà - nội xin mang biên-lai lại lấy
báo tài bản. (Từ nay chúng tôi làm
không nhận tiền của các bạn gửi về
mua báo tài bản nữa).

Nhà in Thanh-Nghị — 15, Phố hàng Da Hà-nội — Giấy-nói 19.43

MƯỜI BẢY THÁNG SAU DƯƠNG LỊCH

Chúng tôi đã đi qua nửa con đường thiên lý chạy suốt Việt Nam và, mỗi chỗ, đã thấy anh em thành kính, nhưng hăng hái, sửa soạn ngày mười bảy tháng sáu. Chúng tôi đã nhầm: chúng tôi đã tưởng rằng cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng năm 1930, vì cái chính sách thực dân tàn ác mà khởi, kéo của bên Pháp, chỉ còn để lại vết kỷ niệm trong lòng những người Việt Nam phía Bắc mà thôi! Vì phía Bắc là nơi đã nghe rõ mồn một tiếng súng đêm Yên Báy, tiếng kèn gọi lính của quân đội thù nghịch, tiếng bom tàn phá Cầu Giấy... Vì phía Bắc là nơi dân chúng phải nhấm nuốt đi không dám nhìn những cuộc tàn sát vô cùng ác ác của bên da trắng thẳng thớm. Chúng tôi đã nhầm, nên đã gửi nhiều giới thiệu về Nam để cho anh em nhớ lại ngày mà mười ba liệt sĩ của chúng ta đã bị âm sát ở quá lòng yên nước.

Chiếc xe hơi của chúng tôi đi theo liên điện thoại. Ở mỗi tỉnh, xe hơi đã đến tại một là giầy xanh. Sự lạ lùng ấy đã làm cho chúng tôi biết rõ một điều chắc chắn. Là một từ Bắc chí Nam nước Việt Nam, không một ai quên ngày giỗ lớn tạo ấy. Lòng yêu nước đã bùng cháy khắp chốn như ngọn lửa dài và tươi sáng đương tàn theo ánh trăng Sơn, một tôi cháy rừng. Tên nhà chiến sĩ cách mạng Nguyễn Thái Học không ai quên cả, thời kỳ cuối cùng của lịch sử cách mạng nước ta. Tiếng súng, tiếng bom, tiếng hô đồng loạt và anh hùng, tiếng khóc ào ào, người ta tưởng chỉ người, mà miễn nghe thấy mà ai ngờ vang mãi đến các anh em đồng bào ở xuôi dọc đường Bắc-Nam.

Ở Huế, chúng tôi đã ăn hai buổi lễ truy điệu các vị anh hùng 1930. Giữa hy vọng của hội Quảng-Trị không đủ chứa lòng thành kính của anh em, nên đến bữa sau lại phải ăn lại một lần nữa cho những người chậm chân, không có chỗ. Ở đó tôi hơn ấy, có những ông già, bà cả, những người áo rách, lấy thành chai. Ở đó, tôi gặp cả một thứ tương với mấy ông bộ trưởng ngồi lẫn vào đám đông chỉ lấy tư cách là dân nước. Chúng tôi đã được nhìn rõ nét mặt nghiêm của một người già lưng tựa vào nhỏ tới người xưa, trông nước mắt chảy ròng ròng trên những bờ mặt tươi tốt hay rấp rỏ, lúc kể nói chuyện là lại bước đường cùng của mười ba người liệt sĩ. Tôi đã nghe thấy tiếng « Vạn tuế » đáp lại mười ba tiếng hô « Việt Nam » của cả một dân tộc. Mười ba tiếng « Vạn tuế » hô lên để an ủi anh hồn mười ba liệt sĩ lúc hàng chục bước lên đoạn đầu đài đã bị bắn tay thực dân bị mất mạng, chỉ một dịp kêu hai tiếng « Việt Nam » Lễ truy điệu bắt đầu trong tâm niệm, giải ra trong thành kính, kết cục trong yên lặng. Yên lặng đó mới là nhiều hứa hẹn. Khi quân chúng đã biết gần lặng mà giờ họp lại quân chúng ấy đã cùng chung một tin tưởng mạnh mẽ vô ngần, đã ra sẽ với một quyết sách đó.

Trên đường về người ta kể lại cho chúng tôi nghe từng buổi hội họp, từng một ngày mười bảy tháng sáu, ở các tỉnh dọc đường: hân học ở Vinh, ôn ào ở Hà Nội. Nhưng dân dân chúng tôi cũng thấy tin tưởng với quả quyết chung ấy.

Một đêm nghĩa liệt sắp sắp sắp nên địa địa tương đồng sắp sắp. Lòng hăng hái. Nhưng còn có dấu kỷ niệm nào hơn tâm lòng thành kính của hàng triệu dân trong một ngày lịch sử.

L. H. V.

HIỂU «DÂN VI QUÝ» NHƯ THẾ NÀO ?

ĐÌNH GIA TRINH

Mạnh Tử nói : «Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh» (Cáo Tử, hạ) — Lời tiên ngôn chính trị của bậc hiền triết sống trước Tây lịch kỷ nguyên ấy, đạo này đã được các văn sĩ, các nhà báo và các chính khách nhắc đến nhiều. Bấy giờ có một sự gì mới mẻ lắm đã xảy ra, một sự thay bậc đổi ngôi một sự xoay hướng đời sống của tư tưởng chính trị.

Duyên cớ trực tiếp là bởi đạo da số 1 của đế quốc Việt Nam đã tuyên bố rằng ngài sẽ theo nguyên tắc «dân vi quý» trong việc cai trị. Đa phần hoan hô lời tuyên bố ấy đủ chứng tỏ rằng từ trước tới nay dân Việt Nam vẫn bị coi rẻ. Nhưng dân quý thì chính quyền đối với họ ra sao ? Ý niệm «dân vi quý» sẽ được diễn ra trong thực tế bằng những tổ chức chính trị là cai trị và cai trị thế nào ? Muốn tránh những sự hiểu sai lạc hoặc quá đáng, ta cần phải tìm cách giải thích những câu nói đó, cho rõ rệt, minh bạch.

Thuở xưa, dưới chế độ quân chủ độc đoán ở Trung Hoa, vua là tất cả, thay giới trị dân. Thiên hạ, giang san, coi là của riêng của vua (xã tắc). Ông vua có thể chỉ nghĩ đến hạnh phúc, quyền lợi riêng của mình, nhiều khi phản ngược với hạnh phúc, quyền lợi dân chúng (Uống pha xa xỉ có tiền thuế má dân nộp, xây nhung lầu đài, điện các, huy hoàng đủ tiện vui chơi, bằng sự chống bách dân lao khổ không công, v. v.). Ông vua cũng có thể coi thiên hạ

(ngày nay ta gọi là nước, là quốc gia) như của riêng, gây binh đao để chiếm thêm kho tàng, đất cát, văn vật, và tăng uy thế của mình, khiến dân phải khổ sở, hoặc làm những việc trao đổi, bán cháo đất đai và tự do của dân. Nói tóm lại, ông vua xử đời khinh quyền lợi của bách tính (dân), và chỉ hành động theo thú gọi của sự xung sướng tư kỷ. Dân gian khổ sở có kẻ ca thê tiếng kêu ấy bị bóp nghẹt ở triều đình (dưới những triều vua độc ác) hoặc không tìm được lối lọt vào tai vị chúa tể, bởi vấp vào cái thành trì giấy và kiêu cố của những quan lại phò nịnh. Nhiều lượt quanh mình chúa để bày tỏ ước vọng vui chơi (dưới những triều vua nhu nhược).

Mạnh Tử chủ thuyết «dục dân», đề mong phòng ngừa những tệ những của chế độ quân chủ chuyên chế. Đối dân với vua xưa nay vẫn cách biệt, vua thì sống sướng và dân thì thương khổ, nên nhớ đến triết họ Mạnh — muốn rằng vua và dân gần nhau hơn, vua hiểu những mong ước của dân và tìm cách làm hài lòng Vua phải chú trọng việc «bảo dân» theo dân no đủ, giáo hóa dân (Mạnh nói nhiều đến coi lập trường trái ngược: dân chối đời mà vua và họ hầu hạ vua càng sát rất cần vua nuôi dè dặt họ báo (Lương Huệ Vương thương).

Ở thế kỷ này, xã hội thời Mạnh không còn nữa. Không còn ai lạc hậu tưởng tượng rằng một vua có quyền muốn làm gì thì làm, và có thể coi đất nước là của riêng của ông ta. Ở Âu châu các tư trào về dân quyền và sự tiến hóa mau chóng về tổ chức chính trị, đã sớm khiến nguyên tắc dân quyền được thừa nhận. Ở Á, nguyên

tắc kỷ cũng dần dần được đặc thăng ở các nước lớn (Nhật Bản, Trung Hoa). Ở Trung Hoa, sau cuộc cách mạng Tân Hợi đánh đổ nhà Mãn Thanh, thuyết dân quyền được nêu ra bàn luận và được áp dụng trong sự tổ chức chính thể (Dân quyền, dân sinh, trong Tam dân chủ nghĩa). Vậy thì tuyên bố « dân vi quý » không phải là phát kiến một điều mới mẻ gì. Minh đã đi chậm sau gót người ta trong lịch sử tiến hóa chính trị của nhân loại.

Thuở xưa, trong các vua chúa ta, cũng có nhiều vị cai trị dân nhân đức, yêu dân như con, thấu hiểu những nỗi khổ và những nguyện vọng của dân. Nhưng gặp những ông vua không có lòng nhân hoặc cố chấp hủ bại bắt dân đánh khổ sở và không tiến bộ được. Một vài vị vua triều Nguyễn ta ở thế kỷ 19, đã không chịu làm một sự cải cách xã hội gì để nâng cao dân trí và gây sức mạnh cho quốc gia, mặc dầu lời đề nghị của những người minh văn như Phan - Thanh - Giản và Nguyễn - Trường - Tộ. Quân quyền rộng lớn quá, khi đã đương tâm một phản động lực cho tiến hóa thì kết quả tai hại vô cùng.

Rồi nước Việt ta lâm vào họa bị người Pháp đô hộ. Lễ vật thiên nhiên là quyền lợi của dân chúng bị coi rẻ, coi rẻ một cách ghê gớm, vì chế độ thực dân vụ mục đích trục lợi và áp chế. Dân Việt-Nam lở la trong nghèo nàn, ngu dốt, khổ cực, bị đè bẹp dưới áp bức trong bao nhiêu năm. Còn nói chi quyền lợi của mình được tôn trọng và bảo vệ, khi mình sống làm nô lệ cho kẻ khác? Bởi vậy ngày nay, đức vua Việt-Nam tuyên bố « dân vi quý » tuy chẳng nói một điều gì mới lạ trong lịch sử tư tưởng chính-trị (có lẽ những chữ cổ kính ấy, được đề ra ở một thời phong kiến xa xôi chưa đủ làm hài lòng ta, chính bởi tính cách cổ kính của nó không mang đủ nội dung của ý niệm dân quyền ngày nay), nhưng cũng làm cho dân chúng vui mừng, ở một xứ mà dân vẫn thường bị rẻ rúng khinh miệt.

Nhưng tuyên bố « dân vi quý » chưa đủ, còn phải tự hỏi xem làm thế nào để thực hiện được tư tưởng trọng dân ấy. Mạnh Tử thông có ý muốn cho dân tham dự vào chính quyền. Ông chỉ muốn vua phải sâu sát đến dân, nghe dân quyết lợi của dân; không được lạm dụng cái quyền vô cùng rộng rãi của mình. Nhưng điểm của chính-sách « nhân trị » mà Khổng Mạnh vẫn chủ trì. Quyền của vua vẫn không bị cái gì thu hẹp, hạn chế. Gặp vua nhân thì dân sướng, gặp vua tàn bạo thì dân khổ. Hạnh phúc của dân dựa vào cái tình cờ bất trắc của trái tim tốt hay xấu của một người mà dân không chọn. Những ông vua bạo ngược như Kiệt, Trụ, đánh có phải chịu hình phạt (của trời), nhưng trước khi bị gươm đao của công thần đánh ngã xuống châu vàng, thì Kiệt, Trụ, đã có dịp tác hại nhiều rồi.

Bởi vậy, ý niệm « dân vi quý » ngày nay muốn đi cùng nhip, với trào lưu tư tưởng tiến của thế giới, phải có nghĩa là: dân tham dự vào chính quyền và đặt giới hạn cho quân quyền. Dân là quý, quyền lợi của dân cần được trọng. Không ai bảo vệ quyền lợi của dân suốt và thành thực hơn chính dân. Vua ngày nay không còn là một vị chúa tể có quyền hành vô hạn nữa, mà chỉ là một bộ phận trong các cơ quan chính trị. Dân cũng sẽ có những cơ quan đại diện mà quyền hạn cũng sẽ được định rõ, để thực hiện những nguyện vọng của họ. Ông vua tốt hay xấu cũng không đáng ngại lắm cho dân chúng như ở thuở quá khứ quyền chuyên chế. Quyền lợi của dân được bảo vệ không phải do ở lòng nhân từ quảng đại của một ông vua, mà là do một chính thể đặt những nguyên tắc có tính cách vĩnh viễn bỏ buộc những người cầm quyền. Nói rõ rệt hơn, dân có được quý hay không theo tư tưởng chính trị hiện đại chính là ở sự có hay không có một hệ thống những điều luật định rõ sự phân chia quyền chính,

(Xem tiếp trang 24)

Sơ thu ý với việc chăn nuôi NÚT Ở VIỆT NAM MỚI

AGUIEN VĂN CHÈ

Công việc sản xuất rất cần cho một nước tân tiến, như nước Việt-Nam ta, mà dựa sống một phần không nhỏ ở sự chăn nuôi. Trên các miền Thượng-du và Trung-du sự đi lại và sự vận tải nhất thời phải dừng đến ngựa. Có thể nói trên các miền ấy, không có ngựa thì sự thông thương đi lại bị ngừng trệ. Đời kinh tế của các miền ấy rất phát triển hay ít là nhờ sự vận tải, các lâm sản bằng ngựa. Sự mở mang những miền ấy rất cần sự này để trừ nạn nhân mãn, vậy thì sự chăn nuôi ngựa lại càng quan trọng lắm.

Không nói chỉ đến lứa quốc gia hữu sự, ngựa rất cần cho sự hành binh ở các miền rừng núi hiểm trở.

Ở miền đồng bằng, ngựa dùng để kéo xe tải hàng hóa thay cho người mà ta ước ao rằng trong một thời gian rất ngắn, mắt ta không phải trông thấy cái cảnh « ngựa người » làm tham lam lữ nhai bây giờ nữa.

Còn trâu bò thì không nói ai cũng biết rằng rất cần cho nghề nông ở nước Việt-nam một nước chỉ sống về nghề ấy. Cây ruộng nhất thiết ta phải dùng đến trâu bò ở các miền Thượng-du, dù Thổ còn dùng trâu kéo gồng.

Ngựa chăn nuôi lợn rất phổ thông trong nước ta, người Việt-nam thích ăn thịt lợn hơn các thứ thịt khác. Và lại sự chăn nuôi lợn là một kỹ-nghệ phải đi đôi với nghề nông ở xứ ta : cấy, cày, bừa thửa ra, người phải què dùng để nuôi lợn. Con thửa, nước gạo v. v. .

Cơ lợn hình như ông tiền đề dành của người nước quê. Khi ta có món tiêu to tất, người nhà

quê vội vàng mang bán vài con lợn ở chuồng nhà mình đi.

Lợn để nuôi, ít phải săn sóc chống được bán lấy tiền.

Nghe nuôi gà vịt, ngỗng ngan, v. v. . còn trong khi kỳ phối thai, mỗi gia đình ở thôn quê nuôi ít-nhiều gà để hạt dơi hạt dưng không xa phải tìm mua.

Sự chăn nuôi trâu bò lợn để ăn thịt càng phải khuyến khích, sau này khi mức sống của dân Việt-nam được nâng cao lên, sự dùng thịt các loài ấy sẽ tăng lên gấp đôi.

Mục đích của sơ thu ý đối với sự chăn nuôi là những gì ?

1) Lựa chọn các giống tốt hay là pha giống...

2) Chỉ dẫn cách chăn nuôi cho dân chúng mau đạt được kết quả tốt.

3) Khuyến khích các nhà chăn nuôi bằng cách phát lương và tiền thưởng trọng các kỳ thi sức vật, lập các trại chăn nuôi kiểu mẫu.

Sự lựa chọn giống tốt hay sự pha giống cần phải nhiều kinh nghiệm, vì phải chọn giống nào hợp với giống nào, sự pha giống cũng thế, khi tìm được một giống ngoại quốc mang vào để pha giống, nó phải hợp thủy thổ, chăn được được các bệnh trong xứ ta, và giống lai sau này phải là giống hợp được cả các tính tốt của hai giống đã tạo thành lứa nó.

(Xem tiếp trang 25)

NẠN NHÂN MÃN

VÀ VIỆC DI DÂN

VÔ BÌNH HỒ

(Tiếp theo số 112)

Công cuộc di dân đã quan niệm như vậy, sự tổ chức phải như thế nào? Vì những trở lực lớn đã nêu ở trên, việc di dân khẩn hoang phải dựa đến sức của cả Đoàn-thể.

Chương trình hành động gồm có 3 loại công việc:

- a) Xây dựng cơ sở.
- b) Khai khẩn giồng giot.
- c) Kiểm thúc và săn sóc.

a) Xây dựng cơ sở, tức là sửa soạn khu di dân.

2 việc:

— Khu trù sở rất.

— Sửa sang đất đai.

1) Khu trù sở rất.

Tức là diệt muỗi độc: phá rừng rậm, làm thoát nước bằng cống ngầm (tốt nhất nhưng đắt) hoặc lộ thiên, lấp bằng những vũng nước đọng, nắn những khúc khuỷu ở các giồng suối, tưới dân tây v. v., nghĩa là trừ diệt những nơi có muỗi độc tụ tập và sinh sản.

Cần một cuộc nghiên cứu kỹ lưỡng về địa dư khu di dân, vì mỗi nơi có một giồng muỗi độc và mỗi giồng muỗi độc có một lối sống riêng, có giồng hay ở dọc suối chảy, có giồng ở những vũng nước tù hãm, có giồng ở những vũng nước đọng, có giồng sợ ánh sáng, có giồng sợ bóng râm... để cuộc trừ muỗi được thích hợp với từng nơi.

Công việc tốn công tốn tiền, Người ta đã tính muốn « làm lành » hẳn một khu nhỏ trong một vùng thì xung quanh khu ấy, trên một đường bán kính là 1 cây số phải trừ diệt muỗi bằng

những cách ở trên, vì giồng muỗi không thể bay xa quá 1 cây số tức là sự phòng thủ « giồng » muỗi phải thực hiện trên một diện tích là 300 mẫu tây (tức 1000 mẫu ta). Như vậy, tất cả nhà cửa phải quây quẩn vào hẳn một chỗ, kẻ cũng khó thực hành vì thường thường bọn dân khẩn hoang vẫn hay dựng lều ngay sát cạnh chỗ giồng giết thành các nhà ở tản mát ở khắp mọi nơi, cũng bởi tại thiếu đường đi lại tiện lợi. Nhưng điều ấy có thể tránh được bằng một công cuộc di dân có tổ chức. Tất cả dân di dân đều quần cư như một làng, ở trong suối, khi xung quanh chỗ ở tạo một đường bán kính là 1 cây số được phòng thủ như thế, ngoài khu « yên ổn ấy » không có ai ở mà chỉ là nơi làm việc ban ngày, khi mọi người làm việc đến với nhà trù khi mọi giờ lặn (giồng muỗi độc chỉ đi hoạt động về ban đêm thôi) thì bệnh sốt rét sẽ tiêu diệt trong cả vùng hoang vì muỗi đã có ở đây rồi không mang trùng độc trong người.

2) Sửa sang đất đai.

Những đất ruộng hoang thường là những nơi chưa giồng giết được ngay, hoặc chưa sâu... được ngay hoa lợi, chắt chiu. Trước cần phải công việc sửa sang, quan trọng « Cánh đồng mới » và cả một giải miền tây Nam kỳ là cánh đồng đất mới có nhiều chất chua, đất mặn, và thấp nên bị đọng nước trong mùa mưa và bị nước ở sông Cửu Long tràn vào. Phải đắp đê ngăn nước lụt, đào mương thoát nước mưa và đào lạch dẫn nước tưới vào ruộng rồi sạch dần chất chua và đất mặn. Trong các vùng cao nguyên, công việc sửa sang là

khác: ở đây đất giồng được ngay, nhưng không cấy được lúa (không có nước) cả những ngũ cốc khác là những thứ cây mọc ở đất khô, vì giồng nó thì đất ở đồi núi sẽ không bị rạc và lở dần. Ở đồi núi, phải giồng cây sen: chề, châu, sơn, cà-phê... mà hoa lợi sẽ bán đổi lấy thức ăn, như vậy cần phải có đường lối giao thông: Ngoài sự cần thiết cho đời sống vật chất của dân mộ, đường giao thông lại có ảnh hưởng hay về tâm lý: đi lại dễ dàng, họ sẽ không có cảm-giác như bị đẩy ải vào những nơi « nước độc ».

Sau hết, hoặc là đồng hoang ở Nam-kỳ hoặc là đồi núi ở Bắc-kỳ và nam Trung-kỳ thường thường chỗ nào cũng đầy những rừng rậm, công việc phát bụi chặt cây là những công việc nặng nhọc, phải để vào loại việc xây dựng cơ sở.

Những công việc xây dựng sơ sở tất nhiên phải do chính-phủ đảm đương vì tốn kém, vì phải làm to rộng, vì phải làm nhanh mới có hiệu quả: đây thực là công việc « xâm chiếm đất đai của tạo vật, nó có những sức phản động mãnh liệt: sức phá phách của nước lũ, sức kháng cự của muối độc và cây cỏ dại. Công việc sửa soạn khu di-dân phải làm bằng những phương-tiện tối thiểu, nếu cần và nếu có thể thì bằng máy móc và nhân-công nhà binh. Công việc ấy phải làm xong xuôi rồi mới nên mang nông-dân đến khai khẩn và giồng giọt; không được thế thì công việc dễ bị thất bại hoặc không có kết quả lớn lao và lâu bền: Người ta đã có thể bỏ saoi hồi xưa nhà Vua trước khi mang dân đến khai hoang ở nơi nào có nghĩ đến việc sửa soạn nơi ấy, trừ « nước độc » và sửa sang đất đai, mà sao cũng cuộc thực-dân vẫn thất công. Ta nên nhớ lại những điều trên kia đã nói: việc khai hoang ngày trước thực hành trên những khoảng giồng giọt được ngay vì chiếm lại của người khác (1) — những nơi dân mộ đến khai khẩn thường

(1) Cũng có nhiều nơi thất bại, nếu không là đất cày cấy được ngay

gần nơi họ ở cũ vì vậy nạn « nước độc » ở hai nơi không có sự chênh lệch nhiều như ngày nay giữa đồng bằng với thượng-du, giữa những cánh đồng đã giồng giọt lâu năm với những đồng hoang rậm rạp; — sau hết không nên quên cái động lực thời gian đã giúp sức nhiều cho cuộc thực-dân kia mà không còn ảnh-hưởng gì nữa trong sự chuyển dịch dân cư ngày nay giữa hai nơi cách nhau xa quá

b) Khai khẩn giồng giọt

Xưa nay trong những cuộc thí-nghiệm di dân điều khiển, người ta chỉ chăm chú đến phần công việc này. Những dân mộ trước hết phải khai hoang (đốn rừng, phá bụi, đốt, rợn) rồi mới reo hạt. Chính phủ chịu hết tiền chi-phí cho đến khi bắt đầu có hoa lợi: tiền tiền xe, ăn đường từ quê quán đến nơi di-dân, nhà trạ trâu bò, cây cuốc, và lương ăn trong 6 tháng. Tiền tiền về việc sửa sang khu di dân (làm đường, đào mương...) trong năm 1935 là 73\$ một mẫu sậy, mà tiền cấp cho một gia-dình là 400\$. Không bao giờ có việc trừ « muối độc » trước khi mang nông dân đến.

Thiết tưởng nay nên làm trái lại, là hao nhiều công việc sửa soạn khu vực di dân (công việc (xây dựng cơ sở) phải do Đoàn thổ làm hết, và làm triệt để (nhất là công việc trừ muối độc), mà trái lại để dân mộ tự liệu lấy những việc khai khẩn giồng giọt bằng tài lực riêng của họ, chính-phủ chỉ giúp tiền một phần, mà tiền giúp chỉ là tiền cho vay trước, sẽ phải trả dần khi đã thu được hoa lợi. Nếu cần một sự tương đối lại hai số tiền tiền trên kia phải soay ngược lại (400\$ về việc sửa sang đất đai, nhất là việc trừ muối độc và 73\$ giúp dân mộ để khai khẩn).

Phải dùng cái động lực rất mạnh chỉ phối nhân-vi của người đời nhất là bọn binh dân là *Tư lợi nhân-tiền và trực tiếp* dân mộ cần phải bỏ một chút vốn riêng tức là « chuyết mạch » của họ đầu là một số tiền rất nhỏ vào công việc khẩn hoang thì họ mới có sức quả quyết đi xa và nỗ lực làm lụng.

Cơ sở đã xây dựng xong, khu vực di dân đã sắp xếp chu đáo, lúc đó mới bắt đầu công việc di dân đã khai khẩn giống giọt. Có một lỗi lầm lớn cho chính-phủ là khi đó, chính-phủ nhượng đất, hoặc cho không hoặc bán rẻ cho một số nhà tư bản hoặc hội tư bản, họ sẽ bỏ vốn chiêu mộ nông dân và giống giọt. Những miếng đất hoang đã được sửa sang và trừ muối độc tất được các nhà doanh nghiệp và chuồng (1). Chính-phủ sẽ kiểm soát sự hoạt động của họ và định trước trong giấy má (Cahier des charges) những điều khoản họ phải theo như việc chia đất cho tá-diễn. Đó là lời lập đơn di dân theo kiểu của nghị-dịnh ngày 29-3-1936 nhưng có lẽ chắc vì Đoàn-thể đã sửa soạn khu vực di dân.

Tuy nhiên, đối với điều kiện lợi do sự hiệp sức của tư bản, lời trên không được hay lắm về phương diện xã-hội. Bởi lẽ phải để cho người bỏ vốn một phần lợi khá lớn, mới đủ gọi lòng ham muốn cộng tác của họ vì dụ: cho được hưởng một phần đất khá rộng đã khai khẩn được (một nửa hay một phần ba, chứ không phải một phần 5). Như vậy thì vô lý vì nhà nước đã dùng rất nhiều tiền để sửa soạn nơi di dân mà lại để cho một nhóm tư bản hưởng lợi nhiều nhất!

Bởi thế cái lợi nhượng đất đã sửa sang rồi cho họ tư bản không thể dùng được.

Nếu Đoàn-thể có đủ tài-lực và nền dân-nghĩa dân-vô-sản đã được huấn luyện, thì không còn có lẽ nào hợp lý hơn là lối công-cộng kinh doanh, do chính-phủ quản đốc. Nhưng trong hoàn-cảnh phương pháp ấy hãy còn ở trong lý thuyết.

Vậy phải trông đến nông-dân tiền-diễn-chủ là một số lớn dân chúng Việt Nam, có từ một vài sào cho đến một vài mẫu ruộng. Họ cũng là bọn người sống thiếu thốn, mà chính họ mới là nông-dân. bọn dân cày chăm chỉ giỏi việc và chịu thương chịu khó thường họ nhận ruộng

cấy rẽ cho cái đại-diễn chủ, họ là những phần tử cần thiết cho một công cuộc di dân (1).

Cách mở như thế nào?

Không thể chỉ đợi họ tính-nguyện xin đi. Mà ông không thể dùng bọn « quâu mộ » như thế xưa. Mỗi thời một khác! Phải dùng sự lực của chính-quy. Trong những làng-dòng quá (miền Trung-Châu Bắc-kỳ và phía bắc Trung Kỳ), tất cả những gia đình nghèo có một vài sào đất một vài mẫu ruộng đất đều bắt buộc phải rời làng đến lập nghiệp ở các khu di dân mà nhà nước đã sửa sang và xây dựng cơ sở: Đất ruộng ở làng nhà nước thu lấy đất làm công điền chia cho dân nghèo còn lại và đổi cho họ trả một lô đất rộng hơn ở đồn điền. Dân mộ về chiêu lấy người làm công giúp việc (tá-diễn và phu phen). Chính phủ kiểm soát đất bôn vực quyền lợi cho họ sau (một phần đất khai khẩn được sẽ chia cho họ sau này).

(1) Người ta có thể hỏi tại sao không mở ngay bọn dân vô sản di khẩn hoang, có phải hợp lý hơn không. Nhưng theo ý riêng tôi, bọn vô-sản (theo đúng nghĩa chữ vô-sản) không phải là những phần tử tốt khi người ta định dùng vào công việc khai khẩn giống giọt như tôi đã nói ở trên. Trong một tổ chức kinh tế tương lai, tất cả bọn vô-sản sẽ bắt buộc phải sung vào các binh-đội lao công để làm những công việc phá rừng, đào nương, khu trừ muối độc, sửa sang đất đai trong các khu di dân hoặc các công việc đào sông sẽ rất khác. Và lại bọn nông dân tiền-diễn chủ bao giờ cũng gồm một số đông và sẵn chọn lẫn với họ trong khung cảnh gia đình (trong một nhà, thường là người cha hay anh cả có một vài mẫu hay một vài sào ruộng còn các con hay các em là vô-sản).

Sau khi đã xây dựng xong cơ sở trong một khu vực dùng làm nơi di dân, người ta có thể ban phát một phần đất đã được sửa sang và « lãnh nước » cho một số dân vô sản thuộc đoàn-lao công đã làm việc ở đấy, nếu họ thực là nông-dân. Nhưng tôi cho đây là những trường hợp đặc biệt, chứ đứng về phương diện nguyên-tắc tôi không tin thành một công cuộc di dân khẩn hoang trong những điều kiện hiện hành. (mà tôi gọi là công cuộc di dân bằng phương pháp kinh tế trái lại với công cuộc di dân bằng binh-bị) thực hành cho bọn vô-sản theo đúng nghĩa của nó.

(1) Trường hợp tương tự như việc nhượng đồn điền cho người Âu, theo nghị-dịnh.

c) Kiểm-thức và săn sóc

Từ trước đến nay, ngay cả trong những cuộc di dân điều khiển, người ta vẫn để bọn dân mộ được tự do đi, ở lại hay bỏ về. Nguyên tắc cũng rất dễ hiểu. Nhưng quan niệm đã thay đổi từ phương pháp cũng phải khác. Trong một chương trình di dân to rộng, phải cần có một kỷ luật nghiêm ngặt.

Trước hết, công việc sửa soạn đã xong thì nông-dân nghèo bắt buộc phải đi cư. Mà đã đi là đi hẳn. (1) Không cho họ có ý tưởng đi tạm và nếu không hợp thì lại quay về quê quán. Như thế họ mới nhất quyết và cố gắng lập nghiệp.

Tất nhiên, việc cô đọng và khuyến khích vẫn là cần. Họ đi một cách vui vẻ và nhiều hi vọng. Nhưng nguyên tắc là phải dùng uy lực thay vào sự thuyết phục. Điều cần là đã dùng uy lực thì công việc sửa soạn phải được chu đáo để bọn dân mộ đừng bị ốm đau vì « ngã nước », không thiếu đủ hạt ăn, và lúc vận hạn được giúp đỡ; không được như thế mà lại bị bắt buộc phải đi thì là bị « đi dẫy » rồi còn gì!

Trước, lập đồn điền (theo đúng nghĩa cũ của chữ đồn điền) vua chúa ta đặt quan chức chuyên việc di dân và dân mộ thì là lính làm ruộng (điền tãi) đóng thành cơ đội, do các quân mệ coi sóc ai trốn nài lười biếng, từ quan cho đến dân đều bị nghiêm phạt. Trái lại nếu thành công thì được trọng thưởng (phẩm hàm, quan tước, miễn thuế). Các chính sách ấy ngày nay cũng phải áp dụng, dĩ nhiên bằng những hình thức khác. Và lại trong những cuộc thí-nghiệm từ 50 năm nay, từ lối ban tiền đồn điền cho cả nhân qua lối lập đồn điền di dân do một « ân nhân » đóng đầu, cho đến các lối di dân điều khiển (như ở Thái-Nguyên, O. H. & ở Yên-Bái, ở Lạc-Giá), người ta cũng ngày càng thấy sự kiểm sát công việc

(1) Trong khu di dân, dân mộ sẽ hợp ngay thành đơn vị, có định, chức, kỷ luật người quen kẻ thù, có những nội dung về việc ấy, ai cũng công nhận là phải rồi.

của dân mộ là cần mà sự kiểm sát ấy người ta thấy cứ mỗi lần lại chặt chẽ hơn trước. Ở Yên Bái, các quan địa phương đến thăm các đồn điền di dân luôn luôn và ở Lạc-Giá, một viên tri-phủ đóng ngay tại chỗ với một toán lính-co.

Song theo ý tôi, sự kiểm thức còn cần nghiêm ngặt hơn thế nữa trong một tổ chức quan niệm theo nguyên tắc đã nói ở trên. Cho đến bây giờ quen với lối sinh hoạt mới và gặt hái được rồi rào, bọn dân mộ phải được khuyến khích, hướng dẫn và coi sóc. Họ phải làm việc trong một kỷ luật tương tự như kỷ luật nhà binh. Họ sẽ chia thành từng ấp, mỗi ấp gồm những gia đình trong một họ do một trưởng ấp cai quản mà trưởng ấp là người bề trên nhất trong những gia đình ấy. Tất cả những ấp hợp thành một khu di dân thuộc dưới quyền cai trị của một viên quan, cấp, có quyền hành, nhiều kinh nghiệm và tại năng về việc di dân khẩn hoang. Các viên chức ấy từ trên đến dưới có nhiệm vụ nhất định là coi sóc luôn luôn những thực dân trong vùng giống giết.

Việc kiểm soát phải đi đôi với việc giúp đỡ. Trong khu di dân, dĩ nhiên phải có nhà trường, có lớp học và vườn ươm mần đẻ các nhà chuyên môn trông nom, coi để phổ thông khoa giống giết nhất là về các thứ cây mần năng dân xưa nay không quen giống như tre cỏ phèn, một cái quỹ cấp vốn và tương trợ, một cơ quan coi việc tiên thu những hoa lợi sản xuất trong đồn điền nhất là trong những khu giống các loại cây dùng về kỹ-nghệ.

Tất cả các công việc hướng dẫn, kiểm soát và giúp đỡ phải tập trung trong một « Sở di dân » thiết lập bằng những phương tiện tài chính lớn, một chỉ huy quyết thực hành và những người chuyên hẳn và tận tụy vào việc ấy. Cần ý kiến lập một cơ di dân không phải là mới mẻ gì. Nhưng cái ý chỉ quyết thực hành chưa bao giờ có.

(Xem tiếp trang 24)

TỪ SAU NGÀY ĐẢO CHÍNH TỚI NAY

DINH GIA TRINH

Cuộc đảo chính ngày mùng 10 tháng 3 Dương Lịch đã phát chức năng người thanh niên lên mọi địa vị quan trọng trong xã hội. Ở Hà Thành, ngay sau ngày 10 tháng 3, thanh niên sinh viên, thanh niên học sinh, thanh niên công chức các sở, đã lớn tiếng chào mừng nền độc lập mới và bằng hải quân truyền tình thần độc lập trong công chúng. Mỗi buổi lễ long trọng kết quả mỹ mãn đã khiến mọi người ai ai cũng nói và bàn tán đến thanh niên. Phong trào thanh niên từ Hà Nội lan ra các tỉnh, rồi từ các tỉnh lan về dần thôn quê. Các đoàn thanh niên được lập ra. Tam dịch nghĩa người thanh niên: trai trẻ, hăng hái, hay va-vai, yêu nước và sẵn lòng hi sinh. Mục đích hoạt động của thanh niên? Trong những lúc say sưa buổi đầu, chưa nhận thức rõ nhiệm vụ của mình trong các chi tiết thực hành, người ta giả nhời rằng: để phụng sự quốc gia, để ủng hộ nền độc lập Việt-Nam, Diễn thuyết, bình luận báo chí, chào cờ, hát bài « Tiến gọi thanh niên ».

Khởi thủy phong trào là thế. Nhưng cuộc đảo chính đã làm vỡ cái ung nhọt thực dân Pháp và trạng thái xã hội Việt-Nam bỗng đặt lên nhiều vấn đề rất gay-gòn. Nạn đói, vốn đã có, nay đi tới độ tác hại không khiếp. Cứu tế trở nên một vấn đề cấp bách. Cuộc sinh hoạt khắt khe đã làm tăng số những kẻ trộm cướp, khiến sự trị an và bảo vệ tài sản của người dân quê đòi hỏi một tổ chức khắt khe. Nạn cướp đáng ghê sợ hơn hẳn khi một số gian phi đã nhân cuộc giao tranh của quân đội những ngày 9 và 10 tháng 3 chiếm đoạt được một ít súng đạn để dùng trong công việc đạo thiết của chúng. Hoa mầu bị hơi trộm, hái trộm từ khi còn nhỏ (khoai lang, củ, ngô), về vụ ngô vừa rồi, ở nhiều nơi quân trắng và dân làng đã phải cảnh phòng cả ngày lẫn đêm, mà cũng không cấm được hao nhiều vụ ăn trộm, ăn cướp ngô xảy ra hằng ngày. Tình trạng mà các làng xã có tỏ ra bất lực trước tình trạng mới (số tuần rất ít, tuần tráng không đủ khỏe mạnh và siêng năng), nên sự tập các đoàn bảo an để bảo vệ tài sản của dân trong làng là một điều rất cần thiết.

Các ban cứu tế, các đoàn bảo an thành lập, trong đó

có nhiều người trẻ. Nhất là các đoàn bảo an thì lại gồm có nhiều trai tráng. Có những học sinh ở Hà Nội về nhập vào các đoàn đó. Các đoàn ấy có khi cũng được gọi là « thanh niên bảo an ». Còn các đoàn thanh niên buổi đầu thành lập ra vì một mục đích phụng sự tổ quốc, cũng dần dần tham dự vào việc bảo an và cứu tế. Hoặc tất cả đoàn, hoặc một ban trong đoàn tham dự. Nói thực ra thì ở thôn quê, một đoàn hành niên từ trước tới nay chỉ làm có mấy việc thông lệ: cứu tế, bảo an, chống nạn thất học.

I. - Cách thành lập các đoàn

Trước ngày đảo chính, trong hồi Pháp thuộc, ở mỗi số ít làng đã có những đoàn thanh niên, tổ chức theo phong trào hơi bấy giờ. Theo những lời tuyên bố của ủy viên thể thao và thanh niên người Pháp khi ấy thì mục đích hoạt động của các thanh niên đoàn là « đoàn kết, và mạnh để phụng sự ». Công của nó định thức, nếu mơ hồ hơn nữa. Thực ra thanh niên, ngoài sự tập thể thao và hội họp vào thi mười học, thi cũng chẳng làm gì khác cả. Và nói là tập thể thao và thể dục, nhưng thanh niên thiếu thủ lĩnh, thiếu người huấn luyện, thiếu sân vận động và dụng cụ thể thao, không đạt được kết quả gì chắc chắn và lâu dài cả.

Một vài đoàn thanh niên cũ đó, sau ngày đảo chính đã được tổ chức lại thành những đoàn mới, có thêm người gia nhập. Nhưng những lối thành lập đó là thiếu sót. Phần nhiều gần đây các đoàn thanh niên thành lập với những đoàn viên hoàn toàn mới và vì những mục đích thực tế rõ rệt hơn.

Sau ngày mùng 10 tháng 3, nhiều đoàn tự do thành lập, tự gọi là « đoàn thanh niên », mục đích là tuyên truyền những ý tưởng mới về sự độc lập của nước nhà và truyền những tin tức mới cho dân chúng.

(1) Phú Hoài Đức, tỉnh Hà Đông

Lúc ấy đang là thời kỳ hồng bối rầm rộ của thanh niên ở các tỉnh lỵ và ở các thành phố. Nhiều thanh niên lúc ấy chưa có ý niệm gì rõ rệt về công việc họ phải làm, nhiệm vụ thực tế của họ. Sau thời kỳ hỗn loạn ấy (khoảng 20 hôm, 1 tháng sau ngày đảo chính), những định lệ sau đây đã được công nhận :

1) Những đoàn bảo an, vũ dũng, cứu tế, được phép thành lập với sự ưng thuận và quyết ý của quan chức sơ tui, nghĩa là của các ông phó trưởng hoặc huyện trưởng, vì các việc trị an và cứu tế là những trách vụ cai trị, các viên chức coi việc hành chính phải đảm nhiệm và hướng dẫn. Mỗi đoàn, hoặc ban phải trình hai bản điều lệ, một bản để lưu ở phủ nha, một bản có chữ quyết ý của ông huyện trưởng hoặc phủ trưởng, giao lại cho đoàn. Đại khái trong bản điều lệ nói qua loa về mục đích của đoàn, sự phân chia công việc và các ban, hàng kê danh sách đoàn viên với nghề nghiệp của họ, biên chú ai giữ những chức chánh đoàn trưởng (hoặc chánh ban), phó đoàn trưởng (hoặc phó ban), thư ký, thủ quỹ, v. v. Ở nhiều làng, lý dịch cũng nhận các đoàn này. Có khi một lý dịch lại đứng đầu điều khiển công việc của đoàn (Thí dụ ở làng Vĩnh Kỳ, viên phó Tổng đương thứ, 35 tuổi, làm trưởng đoàn (kính niên bảo an và cứu tế)).

Cứu dân khỏi trộm cướp trở nên nhiều, gây nỗi khổ khăn cho sự bảo vệ tài sản của dân, việc thành lập các đoàn bảo an, vũ dũng, đã hẳn thành như bắt buộc mỗi làng phải làm. Từ chỗ thành lập đa sự khôn lường của dân xã, các bảo an đoàn đã trở nên một lối tổ chức mà quyền cai trị bắt buộc các làng phải có. Tuy vậy hiện nay vẫn còn có nhiều xã chưa có các đoàn bảo an tổ chức theo một khuôn khổ rộng rãi, mà chỉ có ban tuần tráng cũ thêm thắt ít người thôi (ở làng Ấy chiếm nửa tổng số làng trong hạt). Tuy vậy, trái với tình trạng lạc hậu ấy, làng Đông Ngạc (Võ) đã có một tổ chức bảo an khá hoàn bị từ lâu trước bởi đảo chính.

Những ban cứu tế không đáng coi là những tổ chức thanh niên. Công việc cứu giúp người nghèo, phát cơm cháo, cần phải dùng tới nhiều tiền. Số tiền tiền (trích tiền công, tiền ruộng công, tiền giảm ăn uống, quyền các tư gia), phải do ở những người có chức vị trong làng đảm nhận thì việc làm mới dễ dãi. Bởi vậy ở nhiều ban cứu tế, người ta thấy có những người kỳ cựu và chưa đến các tuổi trông nom việc trị sự. Phần tử thanh niên cũng có tham dự ở đó thêm lực lượng ủng hộ công việc tìm tiền của ban, và để đảm nhiệm những việc thừa hành : phát cơm gạo, giữ trật tự trong những buổi phát cháo, quyền tiền, quyền cơm, giữ sổ sách.

2) Những đoàn, hội thanh niên theo đuổi mục đích ủng hộ nền độc lập Việt Nam, gây tinh thần quốc gia, hoặc sửa soạn để dự vào công cuộc kiến thiết, tóm lại có tính cách chính trị, đều phải xin phép vị chủ hiến miền Bắc Việt Nam. Được xin phép lập hội phải kèm theo điều lệ và danh sách các hội viên ở ủy ban quản trị tạm thời, biên rõ tuổi, nghề nghiệp và trụ quán của họ. Hiện ở hạt Hoài Đức đã có những nhóm thanh niên ở hai làng Đức Điện và Phú Đa, đã đến xin phép lập những đoàn thanh niên có tính cách ấy.

Muốn thành lập chóng và tránh sự phải thảo điều lệ riêng, có một số ít làng thanh niên xin sát nhập vào « Việt Nam thanh niên hùng quốc hội » ở tỉnh lỵ Hà Đông. Như vậy họ theo điều lệ của hội đó và được thành lập nhanh chóng hơn.

Những đoàn thanh niên này, tuy nói là theo đuổi mục đích « ủng hộ nền độc lập Việt Nam » và « gây tinh thần quốc gia », nhưng thực ra, để thực hành những mục đích ấy, sự thiếu người và thiếu phương tiện, là một trở lực tới nay ai cũng nhận rõ. Ý thức thì to lớn, nhưng sự thực hành thì cũng chỉ thu hẹp lại vào những hoạt động bảo an, cứu tế, hoặc chống nạn thất học, như các đoàn thanh niên khác khiếm tốn hơn, tự gọi là đoàn « thanh niên bảo an, cứu tế », hoặc « ban truyền bá quốc ngữ ».

(Còn nữa)

ĐINH GIA TRINH

Kỳ sau: II. — Mục-dịch và tổ-chức các đoàn.

HỘI TẠI :

MINH NGỌC

Thêm giải khát

65, PHỐ LỘ ĐẮC

HÀ-NỘI

SỮA SOJA

Đề thay các thứ sữa hiện nay không có. Các người chỉ nên dùng sữa SOJA chế theo khoa học là các chất bổ như sữa tươi.

MỘT TÂM HỒN NGỆ SĨ

(NGUYỄN VĂN CUA SOMERSET MAUGHAM)

LÊ BÌNH CHÂN dịch

(Tiếp theo)

Cái có Strickland mới rõ. Có lẽ sợ cảnh sát đã cho bắt hắn. Mà này hắn ở đây. Có lẽ trong gian phòng khốn nạn của hắn trên tầng gác thượng. Mà tại sao Blanche không muốn gặp mặt hắn? Có lẽ nàng biết rằng dù có gặp mặt không chắc Strickland có chịu đến. Nàng đã thoáng trông thấy một vệt mảnh tàn ác gì, mà vì kinh sợ ghê tởm, nàng không còn can đảm sống?

XXXV

Tuần lễ sau mới thật là rảo rạng. Một ngày hai lần Stroeve đến nhà thương hỏi tin về Blanche vẫn nhất định không muốn tiếp chông. Nhưng Stroeve vẫn không ngã lòng nhất là khi người ta cho hắn biết là bệnh tình Blanche bỗng đâm ra kịch liệt và như viên y-sĩ nói, nếu xoay ra chiều này thì khó lòng mà chữa nổi. Dù có thương Stroeve đến đâu mà sợ cũng không sao dấu nổi hẳn. Blanche xưa nay vẫn im lặng thì bây giờ không nói năng gì nữa. Nàng nằm yên trên giường, hai mắt như chờ đợi thần chết. Bây giờ thì chỉ còn một-hai ngày nữa là cũng. Và một buổi chiều đã khuya lắm, khi Stroeve gõ cửa đến chơi thì tôi biết hẳn đến báo cho tôi là Blanche đã là người thiên cổ. Stroeve mới một hôm. Lần này thì lần không nói nhiều như mọi khi và bề ngoài đặt mình xuống chiếc ghế dài. Những câu nói khuyên giải bây giờ thì cũng vô ích. Tôi mặc cho hắn nằm nghỉ. Tôi không sao đọc được nữa: đọc thì thực là thần nhiên quá. Ngồi tựa cửa sổ hút thuốc là tôi chờ cho Stroeve nói.

— Anh đối với tôi thật là hết lòng. Ai ai đối với tôi cũng hết lòng

— Anh không còn gì nội, hơn câu đời vô lý ấy hay sao?

— Đến nhà thương người ta bảo tôi có thể chờ được. Họ cho tôi một chiếc ghế, và tôi ngồi chờ ở ngoài cửa. Khi Blanche đã hết tình nhấc sự thì người ta cho tôi vào.

Nhóm và cầm nhà tôi, liền bị nước cường toan đốt cháy. Trời ơi! nước da đẹp mịn của nàng mà đến hồi thế kia hay sao! Nàng gầy gò, hơi cuối cùng. Thành ra khi xa sẽ bảo tôi mới biết là nàng đã chết.

Một nhọc quá thành ra Stroeve thức dậy ra tiếng. Hình như chân tay khô gòn, cũng được nua. Stroeve cảm thấy sự mệt mỏi ghê và một lát sau hẳn đã ngủ say. Lần đến thăm trong suốt một tuần lễ, hắn nói tự nhiên không uống thuốc mà chợp mắt được.

Tôi lấy chân đập nhẹ lên và tắt đèn. Sớm hôm sau khi tôi dậy hẳn vẫn còn ngủ và van không động dậy. Đôi kính gọng vàng vẫn còn đeo ở mặt.

XXXVI

Cái chết thương tâm của Blanche — Stroeve thật là phiền phức về phương diện pháp luật. Chúng tôi phải đi lại suốt một buổi mới xin được giấy cho phép mai táng. Sau sẽ tang lạnh cho tôi và Dirk lẽo đẽo đi đưa. Lúc đi thì còn chậm chạp nhưng lúc về thì xe ngựa chúng tôi cũng đi bước cho kịp xe tang. — Cái vô tội-vã của tên và-ích nói ghê-tởm làm sao!

Nó dơ cao tay vọt mạnh vào lưng hai con ngựa làm cho xe chồm lên, và tôi thoáng trông thấy lùm sáng cũng lao đao khi ngựa tên và-ích vọt ngựa mantr quá, lay chỗ đường sá quá. Thằng đánh xe của chúng tôi cũng dục

ngựa cho xếp xe tang. Mà tôi cũng mong cho chóng xong. Cái câu chuyện đau thương và ghê tởm này đã bắt đầu làm cho tôi phát ngấy, vì xét cho cùng, đó không phải là chuyện của tôi.

Lấy cớ là khuyên giải Strocve, tôi thấy nhẹ mình khi lắng sang chuyện khác :

— Anh nên từ già Ba lê ít lâu thì hơn !

Strocve không giả nhời. Tôi vẫn thần nhiên lấy lại câu hỏi.

— Anh đã định gì chưa

— Chưa định gì cả.

— Anh phải sống một đời chăm chỉ làm việc như ngày trước thì mới có thể khuấy khoả được. Sao anh không sang Ý mà về ?

Strocve lại lặng thinh không giả nhời. Nhưng tên xã lịch dưng xe quay lại tôi :

— Hai nghị về đâu ?

Tôi bảo hắn chờ một phút và quay lại nói với Strocve.

— Anh nên đi ăn cơm sáng với tôi. Tôi bảo xe nó đánh-dồn công viên Pigalle.

— Tôi không muốn đi ăn. Tôi muốn về qua nhà. Ngăn-ngừ một lát tôi hỏi :

Anh có muốn tôi cùng đi với anh không ?

— Cảm ơn anh. Tôi muốn đi một mình.

— Được.

Tôi dặn bảo tên xã lịch. Dirk ngồi im cạnh tôi. Từ hôm của Blanche vào nhà thương, Dirk chỉ rơ rọ đi qua nhà. Thấy hắn không muốn tôi cùng về, tôi càng nhẹ lòng. Sau khi đưa hắn đến tận cửa, tôi vui vẻ-bao tiền phụ xe đánh-dồn một khách-sạn, rồi đi. Người. Nhưng phố xa thanh-Ba-lê có một vẻ nao-niết đáng yêu lạ. Tôi nhìn người qua lại, lắng con mắt loang loáng. Trời hôm nay trong-sáng và tươi đẹp làm cho tôi cảm thấy sống lại vui, lạc thú.

Tên xã lịch là một người trẻ với ánh sáng mặt trời. Strocve với cái mặt mệt mỏi thương tâm của hắn ta không còn luồn quẩn cạnh tôi nữa.

Thanh-Ba-lê vui vẻ dưới ánh dương như đang gọi tôi.

XXXVII

Đã gần một tuần lễ nay, tôi không gặp Strocve. Sau cùng, một buổi chiều, vào khoảng 7 giờ, hắn đến mời tôi đi ăn cơm tối. Strocve mặc quần áo tang, một tang phục thật là dướm dả, tổ lồng thương nhớ của hắn. Chúng quanh cái mũ quả dưa của hắn có một chiếc băng đen rất dày và rất rộng. Cả đến khăn tay của hắn cũng viền đen. Trông tang phục của hắn người ta có thể tưởng rằng hết tất cả các họ hàng thân-thuộc chờ đến tất cả những người xa xôi bên-nội bên ngoài của hắn đều vừa bị thất mạng trong một tai nạn gồm-ghê. Nhưng cái thân hình phục phịch-cứng là đôi má phình độ bầy-bầy của hắn thực là trái ngược với bộ tang phục đen ngòm ấy ! Thật là cả đốn về đau thương tuyệt vọng của hắn cũng nặng nề và huồn cười.

Hắn nói cho tôi biết là đã định dời bỏ Ba-lê, không phải để đi Ý, như tôi đã khuyên hắn, nhưng để về Hòa-Lan.

— Sớm mai tôi đi. Có lẽ chúng ta sẽ không bao giờ có dịp gặp nhau nữa.

Tôi nói một câu xã giao. Strocve mỗi một mỉm cười nhìn tôi nói.

— Đã năm năm nay tôi chưa được gặp mặt thầy mẹ tôi. Hình như tôi đã quên hết cả những nhà cửa quê hương. Căn nhà của thầy tôi thực là xa-sầm, trước kia nghĩ đến về đây làm cho tôi bẽ-bỏ. Nhưng bây giờ tôi cảm thấy quê hương là nơi tác-ân độc nhất của tôi.

Strocve là một tâm hồn đã chịu nhiều nỗi đau khổ.

Chỉ số lòng-ân yếm của người mẹ thân yêu mới có thể làm cho hắn đỡ sót sa. Những câu khôi-bại độc-địa phải chịu đựng từ bết bao lâu đã làm cho hắn không dám ngóc đầu lên nữa—và tí h vùi vùi, cái sinh vui vẻ đã làm cho hắn chịu đựng được, chỗ riêng tư đã theo Blanche mà biến mất. Từ bấy giờ đi hắn không còn có thể cười được nữa khi người ta chế-nhạo. Hắn là một người không thuộc về nhân-loại lắm nữa. Strocve, với một giọng khát khao, kể cho tôi nghe đến đời niên-thiếu nhà, cái căn nhà

sạch sẽ bằng gạch đỏ thật là vui vẻ, sinh-sản với một người mẹ hiền, lúc nào cũng mê man lau chùi xếp dọn. Cái bếp thực là sạch như lau, bóng như gương. Cái gì cũng thứ tự, đầu vào đây, và không có lấy một mảy bụi. Sạch sẽ, bóng bẩy, đó là tính nết mẹ hân. Tôi bình-dung bà cụ già nhỏ bé với đôi má dãn đeo, nhưng hồng hào lúc nào cũng cầm cụ lau chùi, xếp dọn, từ sớm đến tối, hết năm này sang năm khác, để cho nhà cửa được sạch sẽ, bóng bẩy.

Thân sinh ra Stroeve là một ông-già cao và gầy, vờn bàn tay thành chai-cứng như gỗ, sau một đời làm-lụng khó nhọc.

Ông ta im-lặng và thẳng ngời trên một chiếc ghế hành để cạnh lò sưởi, tay cầm báo, mồm đọc to trong nhà vợ và con gái, (bây giờ đã lấy chồng làm nghề đánh cá bè), không muốn mất một phút, đang cầm cụ với kim chỉ. Không có gì đến làm cho cái hình nhỏ gầy bẽ ấy mất vẻ bình-thản, và hết năm ấy sang năm khác thời gian trôi, dần chết thủng thẳng đến như một người bạn để đưa đi nghỉ ngơi những ông-già đã xuất đời làm việc.

—Thầy tôi muốn cho tôi nới nghề làm một người thợ nộc như ông cụ Đã 5 đời nay, cha chuyên-con nối; chúng tôi kế nhau làm nghề này. Có nhẽ không gì hay bằng cứ yên phận thủ thương mà rồi nghiệp của ông cha — không nên nhìn đông nhìn tây. Hồi còn bé tôi muốn lấy con gái một người thợ dệt bên cạnh, làm vợ. Nàng là một thiếu nữ cổ đôi con mắt rất xanh và lộ tộc lưng mượt như lụa mĩ mới chín. Nàng sẽ trông nom cửa nhà cho tôi cần-phòng của tôi sẽ sạch sẽ bóng bẩy như một đồng xu mới. Và con tôi sau này sẽ làm thợ mộc như tôi.

Stroeve thờ dài và im-lặng nhìn tôi. Tâm hồn hân như đang mê man với cảnh vờn lá; đang mơn trớn cuộc đời, chắc chắn và bình dị mà hân đã chê.

— Thế gian này độc ác và cay nghiệt. Stroeve noi tiếp: ai là người đã biết tại sao chúng ta đến đây, và chúng ta sẽ đi đâu? Chúng ta

đáng nhẽ phải khúm núm, biết phân minh. Chúng ta phải biết bình-thản (ưng là đẹp). Chúng ta phải an-lòng mà sống một đời yên lặng tâm-thường đừng để cho « ông xanh cay đắng hay ghen ghét kia » phải dè ý đến chúng ta. Chúng ta chỉ nên tìm và nhận tình yêu, của những người giản dị và ngu dốt. Cái ngu dốt của họ cổ nhẽ còn sâu sa, còn ý nghĩa hơn hết tất cả những sự « biết » của chúng ta. Nội lì, sống bình dị trong cảnh quê hương ăn nậu với những người thân yêu. Chỉ thế mới là biết sống ở đời này. Thế là hơn cả.

Đó là câu nói của một tâm hồn đã tỏ tài với đau-thương. Ý tưởng nhần nại và « cam chịu » số phận đã làm cho lòng tôi phần khích. Tôi không chịu. Tôi nổi lạng sang chuyện khác.

— Thế sao anh lại quay ra về? tôi hỏi Stroeve nhún vai:

— Hình như tôi có hoa tay — ở trường tôi được hết tất cả những phần thưởng về vẽ. Đã thân mẫu của tôi lấy làm vinh dự lắm và thường cho tôi một hộp sơn cũng là bút. Thân mẫu tôi đem những tranh tôi vẽ cho ông cụ, ông thầy thuốc và ông thẩm phán xem. Họ cho tôi đi Amsterdam để thi lấy học-bổng? Và tôi được học-bổng. Sao mẹ tôi sung sướng thế! Tuy đau lòng phải từ đã tôi, nhưng hôm đưa tôi ra kinh đô theo học, mẹ tôi vẫn gương mỉm cười. Mẹ tôi xưng-xướng có một người con « nghệ-sĩ ». Thấy mẹ tôi yên-tả tiết kiệm lắm mới đủ nuôi tôi theo học.

Lần đầu tôi trưng bày, hai thân tôi cũng em gái tôi đều lặn lội ra đến tận Amsterdam để xem tranh của tôi. Mẹ tôi khốc khi nhìn thấy tác phẩm của tôi. Đôi con mắt nhân từ long lanh với lệ — và bây giờ, trong buồng nào ở nhà tôi cũng có một bức tranh tôi vẽ, chễm chệ trong bộ khung vàng.

Stroeve long-lạnh với kiêu-ngạo.

Tôi nghĩ đến những bức tranh lạnh lẽo vô hồn của hân, với những nhân vật « lẽ loi » và cứng nhắc tựa những cây thông và cây tùng « bất-lược ». Treo ở tường cửa nhà nhỏ

bé của hắn, với những khung loè loẹt thật là những bức họa tức cười và ngớ ngẩn.

— Bà thân mẫu hiền lành của tôi cho rằng nuôi con thành một nhà nghệ sĩ thực là một công trình vĩ đại... Nhưng mẹ tôi có ngờ đâu rằng giá cứ theo ý cha tôi, cho tôi học nghề thợ mộc, có lẽ còn hơn nhiều.

— Bây giờ anh đã biết giá trị của nghệ thuật thì anh có muốn thay đổi đời anh không? Anh có muốn hy sinh hết tất cả những sự vui sướng mà nghệ thuật đã cho anh hưởng không Stroeve, ngăn ngừa một lúc rồi trăm ngàn nói:

— Nghệ thuật là sự quaa hệ nhất, vĩ đại nhất ở đời này!

Hắn đưa mắt lên nhìn tôi và tiếp

— Anh có biết rằng tôi đã lại thăm Strickland không?

— Anh!

Tôi ngạc nhiên. Tôi cứ tưởng rằng Stroeve không còn có thể nhìn mặt Strickland được nữa. Hắn khẽ mỉm cười

— Anh biết rằng tôi là một người không có lòng tự ái!

— Anh định nói gì?

Đấy là câu chuyện lạ lùng hắn kể lại cho tôi nghe.

XXXVIII

Khi đã hôn xong Blanche, Stroeve từ giả tôi, một mình về nhà. Lòng nặng trĩu, hắn uể oải bước lên cầu thang

Sức mạnh bí mật gì đã lôi kéo hắn vào xưởng vẽ? Hay trong tâm tâm hắn chỉ muốn ham cho mình thêm đau khổ cho nên tuy biết trước là sẽ đau đớn, nhưng hắn vẫn muốn bước chân vào xưởng vẽ. Khi lên đến trước cửa thì hắn ngừng lại một lúc để tẩy vết can đảm trước khi bước vào. Hắn lao dẫm như muốn lún xuống đất. Hắn định bụng chạy xuống cầu thang ra phố đuổi theo tôi để đui cùng vào vì hắn có cảm tưởng rằng trong xưởng vẽ như có ánh sáng tấn tới, ngày thường, thì mới về

nhà lên hết cầu thang hắn vẫn phải đứng dừng lại để nghĩ, nhưng vì nóng lòng muốn thấy mặt Blanche, hắn lại vội vàng đẩy cửa vào ngay. Nhìn mặt Blanche đối với hắn là một sự ru suông không bao giờ nhàm, tuy vừa đi đâu đó một giờ đồng hồ hắn cũng khát khao khi về nhà, muốn nhìn ngay thấy mặt vợ, tình như lệ đã xa nhau hàng tháng.

Hắn bỗng không thể tưởng được rằng Blanche đã chết. Câu chuyện xảy ra có lẽ chỉ là một cơn ác mộng, và khi hắn tra chìa khóa vào và đẩy cửa ra, hắn có cảm tưởng là nhìn thấy Blanche đứng cạnh hắn, hơi cúi đầu, với cái vẻ yếu đuối của người đàn bà trong bức tranh của Chardin... một bức tranh mà hắn cho là toàn mỹ. Nghĩ đến vậy, Stroeve vội vàng tra chìa khóa mở tung cửa ra, và bước vào

Căn phòng không có gì là bỏ hoang. Hình như Blanche vừa ở đây bước ra: Những bàn chải toa để thư tự trên bàn phấn, hai bên cạnh là mấy cái lược. Cái giường nàng vừa nằm đêm trước như ai vừa xếp dọn tinh tươm lại và cạnh cạnh chiếc gối, gấp rất gọn gàng là chiếc áo mặc đêm của nàng như đang chờ đợi. Có thể tưởng được rằng nàng sẽ không bao giờ quay lại đây?

Thấy một mình, Stroeve bước vào trong bếp lìm nước nóng. Ở đây cái gì cũng có thư tự cả. Những xecng chảo mà Blanche dùng để nấu ăn buổi chiều hôm cãi nhau với Strickland đều bóng bẩy treo trên góc tường. Dao và đĩa đều thư tự xếp trong ngăn kéo. Dưới cái vung bằng thủy tinh vẫn còn một miếng « pho-mát » ăn dở và một nẫu bánh con. Blanche ngày nào cũng đi chợ và nàng không bao giờ mua nhiều thức ăn quá, sợ thừa lại đến hôm sau, thành ra trong ngăn không có gì để lại.

Theo tin sở cảnh sát điều tra thì Strickland ngay buổi chiều hôm ấy, sau khi ốm xong đã đi đâu mất.

Như mọi ngày Blanche đã rửa sạch bát đĩa Stroeve đặt mình kinh sợ. Blanche vẫn thân

nhiên dọn dẹp, bấp nước như lễ thường trong khí nằng dạnh bụng tự tử. Về trổ tính của nàng thừa là đáng sợ. Trong tâm rất rối kinh hoàng, Stroeve thấy tại đầu gối diu tại như kuong sáo đượ được nưai. Hân với và vào trong buồng nằm song với lều tiên đường vừa nức nở vừa gọi :

— Blanche ! Blanche !

Nghĩ đến nằng khổ sở thề, cảnh tuyệt vọng làm cho Stroeve không sao chịu được nữa. Dẫu như bằng hoàng vút trong thay nằng đứng ở trong dân bấp chắt hẹp, dĩa đĩa và cốc, đĩa và thìa, cần dao liếc tại lên trên hòn đá mài rồi sau khi lẩn xong, nằng chậm chạp kéo tay áo xuống, cỡi yếm đeo ở ngực mắc lên trên cái đinh đồng ở khung cửa, và cầm chai nước cường toan đi vào trong buồng ngủ.

Đau đũa quá làm cho Stroeve cảm dầy. Hân bước sang xuống vó. Trong buồng tối om vì dầm cửa đều hạ xuống, chể hết ánh sáng. Stroeve với văng kéo mình dầm cửa sang một bên.

Dua mắt nhìn căn phòng trong đó hấp dũ qua những giờ sung sướng làm cho Stroeve nghe ngáo. Ở đây cũng không có gì thay đổi. Đồ đạc vẫn y nguyên như cũ.

Thấm nhiên với sự vật chung quanh Strickland không hề nghĩ đến hãy lại bất cứ đồ vật gì. Cách trang hoàng xưởng vẽ của Stroeve rất mỹ thuật. Đối với chàng thanh niên một cảnh bãi trí khuôn mẫu cho các nơi khác. Một nơi rất phù hợp cho nhà họa sĩ.

Trên tường có cheo mấy miếng gốm sứ, trên mặt « piano » có đặt một tấm lụa « B-Tur » mới vẽ phật. Trong góc phòng, có mấy bức tượng phỗng theo tượng Venus xứ Mi-lô và Venus xứ Médicis. Lầu gác ở ở này chỗ treo một cái lọ xứ Hòa-Lan. Dông treo một chiếc khung vàng lông lấy là bức tranh chính tay Stroeve vẽ, phỗng theo bức họa Innocent của Nel. squee, bức họa treo giữa phòng, ngay hàng lối đi vào, làm cho ai ai cũng phải chú ý. Cùng quanh, ở phía, là liệt những tranh khác, cũng chính tay Stroeve vẽ.

Bức nào cũng lồng trong bộ khung rất đẹp. Stroeve vẽ từ phụ là người « sành », biết thường thức nghệ thuật. Hân bao giờ cũng tuyên bố nên hai tri lam sao cho xưởng vẽ có một phong khí lãng mạn. Tuy nhiên lại cần phòng làm việc, lòng đam mê rất hân vẫn không quên kê lại một cái bàn nhỏ vô giá kiểu Louis XVI đã bị kéo lệch ra một bên. Bỗng hấp nhíp thấy, dờ quay mặt vào trong, một bức tranh to hơn nhưng bức tranh hân thường vẽ. Hơi lạ, Stroeve lại gần cầm bức tranh ngả ra xem. Đó là một bức họa « khỏa thân ». Hân đoán ngay là một tác phẩm của Strickland. Tâm hân đập rất nhanh. Dẫu dũ, Stroeve cầm bức tranh vút vào trong bộ trong. Tại sao Strickland lại bỏ bức họa ấy ở đây ? Nhưng bức tranh bị vút mạnh nằm bẹp, mặt dấn xuống đất. Dù trong tranh vẽ gì, Stroeve cũng không thể dễ bị bấp vào như thế. Hân cúi nhát bức tranh lại và tính to mò dũ thẳng, hân chăm chú nhìn. Rồi hân nhẹ nhàng dũ tranh lên giá vẽ và lùi vài bước để ngắm cho dũ.

Stroeve như rợn tim. Trước mặt hân là một người đàn bà nằm dài lên trên một chiếc « divan » một tay dũ sau đầu, một tay dũ thông dài lên trên mình, một chân co lên, một chân duỗi thẳng...

Một dáng điệu hoàn toàn « Classique ». Stroeve thấy đầu nóng bừng và lão-dão. Đó là chân dung Blanche ! « Đan-don », « ghen hờn » và « cảm-dân » làm cho Stroeve dũ lên hân-bật. Mồm hân thốt ra những tiếng găm-gừ ghê sợ và hai tay hân nắm chặt, như dọa dẫm một kẻ thù vô hình. Rồi tiếng găm-gừ hân vang lên thành những tiếng dũ, dĩ thất-thanh. Kêu lắm, hân hấp dũ cả cổ lại. Hân đưa đôi con mắt dũ dũ long-lanh nhìn chung quanh mình để tìm một đồ vật gì có thể bấp vào bức tranh đó ra, bức tranh đó, bức tranh mà hân không sao nhìn được nữa. Tim hân chẳng thay gì. Mồm lói rất ngắn kéo, dũ tu như phá phà và sau rất tìm, được một cơi dao, cỡi cũng dũ cạo sơn trên vài vó. Hân kêu lên một tiếng dũ thẳng và vung tay cầm cỡi piao như cầm một thanh gươm rồi sẵn số bước lại bức tranh.

Kể lại cho tôi câu chuyện Ströve cũng đứng vững dậy, như đang sống lại lúc đó. Hắn cầm một con dao cùn ở trên bàn và hắn dơ cao tay lên như sắp đâm vào mặt bạn. Nhưng hắn bỗng mở bàn tay ra và con dao rơi cầm pháp xuống mặt gỗ. Hắn đưa mắt nhìn tôi, với một cái cười vô định. Hắn không nói gì.

— Thế rồi sao ? Tôi hỏi

— Tôi không biết lúc bấy giờ, tôi ra sao. Tôi định cầm dao đâm thủng bức họa thì mắt tôi bỗng mở to ra.

— Anh thấy gì ?

— Phải. Cho đến lúc ấy thì tôi chỉ nhìn thấy Blanche. Nhưng bấy giờ tôi chỉ thấy một tác phẩm toàn-mỹ. Tôi không dám động đến nó. Tôi sợ.

Ströve lại im lặng một lát. Hắn đưa mắt nhìn tôi, mỉm cười rộng với đôi son mắt tròn như muốn bật ra.

— Đó là một tác phẩm lạ lùng và toàn-mỹ. Tôi vô cùng cảm động nhìn. Một tí nữa thì tôi sẽ phạm vào một lỗi lớn. Tôi lùi lại để nhìn một lần nữa. Chân tôi vướng vào con dao cùn.

Tôi dùng mình !

Mà lạ thay ! cảm giác mạnh mẽ của Ströve như cũng « vang » sang tâm hồn tôi. . . . tôi thấy tâm-hồn tôi cũng lạ lùng rung-dộng. . . . tôi có cảm tưởng như bị đưa sang một thế giới mà ở đó người ta có một quan-niệm khác hẳn về « giá trị mọi-sự ».

Tôi đứng im-lặng như một người khách trước một phong-cảnh lạ và tôi nhận thấy rằng : những sự rất thông-thường-mà xưa nay tôi không để ý tới đã đem lại cho tôi tâm-hồn tôi hẳn tôi những cảm giác hoàn-toàn mới. Ströve cố tả lại bức tranh của Strickland và tôi cố theo ý nghĩ hẳn qua những câu nói ngập ngừng, cảm-dộng. Theo ý Ströve thì Strickland đã cắt đứt hết tất cả những giấy văn giảng-buộc hẳn từ xưa đến nay. Hắn vừa không phải là tìm thấy « chân-tình » của tâm hồn của hắn, như câu người ta thường nói, không, hắn đã hoàn-toàn tìm thấy một tâm hồn mới, với những sức mạnh không

ngờ của tâm-hồn. đó Một tâm hồn mạnh mẽ to-tát, không những chỉ là ở nó về dĩ-vãng và tương-bạo cũng là ở cách pha màu, tuy màu cũng tuyệt khéo, một màu da thịt thật là làm-ly-khêu gợi của một thân-bình thật là khéo họa, theo « đặt » trong tranh làm cho người ta như cảm thấy hết tất cả sức « nặng » của tâm thân « da thịt » ấy. Không, cái « mới » này phần nhiều là ở cái vẻ hoàn-toàn « tinh-thần » huyền diệu, xúc động và lạ lùng nó đưa nó đưa trí tưởng-tượng của ta qua những con đường chưa ai đi đến, đến những khoảng không trung mờ ám trong đó chỉ lấp lánh những vì sao vĩnh viễn. Trong cảnh không trung vô hạn đó, tâm hồn ta thoát khỏi khuôn khổ của xác thịt, bờ ngõ và sợ hãi đi tìm cảnh mới lạ. Có nhẽ mới cảm-dộng lạ lùng trước bức họa đó đã xui-dục Ströve đi tìm Strickland

— Gặp nó anh bảo sao ? Tôi hỏi.

— Tôi rủ nó về Hòa-Lan với tôi.

Tôi ngạc nhiên không nói gì được nữa.

— Cả hai chúng tôi đều chẳng yêu Blanche hay sao ?

Ở căn nhà nhỏ của cha tôi cũng còn một phòng cho thuê. Sống một đời bình-dị với những người chất-phác sẽ có ảnh hưởng tốt cho hắn. Như thế chỉ có lợi cho Strickland thôi.

— Thế nó giả nhời anh sao ?

— Nó cười. Nó bảo tôi là đồ ngốc. Nó bảo nó còn nhiều việc bận khác.

Strickland thiếu gì lẽ-từ chối khác ?

— Nó cho tôi bức chân-dung của Blanche.

Cả chỉ của Strickland làm cho tôi hơi lạ.

Nhưng tôi không nói gì. Một lát lâu Ströve và tôi đều im lặng.

— Thế còn đề đạo của anh, anh xếp đâu ?

Tôi hỏi.

— Tôi cho gọi một thằng « đo-thai » đến. Nó mua cả lỗ. Tranh của tôi thì tôi đem về. Ngoài những bức tranh đó ra, tôi chỉ còn một chiếc « va-li » ít quần áo và vài quyển sách.

— Tôi đi bằng lòng anh đã định về quê như vậy. Tôi nói.

Strove không còn gì hơn là cắt hết dây liên lạc với quá khứ. Thời gian sẽ làm cho vết thương hẳn đứt và « quàn » sẽ giúp hẳn, một lần nữa, chịu nổi gánh nặng của một đời. Hẳn vẫn còn trẻ. Vài năm nữa, hội tưởng lại cao đầu đón ngày nay, hẳn sẽ thấy một mới buồn xán lạn, không phải là không êm dịu.

Chả chóng thì chầy hẳn sẽ lấy một người thiếu nữ Hòa-Lân nữa. Rồi vợ hẳn sẽ đem lại hạnh phúc vào cuộc đời bình dị sau này.

Ngồi đến những bữa tranh vô vị mà ta còn ở làm cho tôi mất ngủ.

Ngày hôm sau tôi ra ga tiễn hẳn đi Amsterdam.

XXXIX

Xuất thân sau, hẳn với công việc riêng, tôi không hề nghĩ đến Strove. Mà cũng chẳng có ai, hay sự gì, làm cho tôi nhớ đến hẳn. — Và lại tôi cũng chẳng muốn quên hẳn cho xong. Nhưng một hôm đang đi nghỉ dưỡng tôi tình cờ gặp Strickland. Trông thấy hẳn bao nhiêu những kỷ ức dồn rập sống lại ngay trong óc tôi. Tôi bỗng muốn rảo bước. Là hẳn là trẻ con, trông thấy hẳn tôi bên ghế gạt dầm và bước rất nhanh. Nhưng một phút sau tôi thấy hẳn tay hẳn trên vai.

— Đi đâu mà vội vã thế? Hẳn quên rồi, nói thêm nữa khi người ta lãnh đạm, thật là tình hẳn và câu giả nhời của tôi cũng đủ tỏ ý tôi đối với hẳn ra sao.

— Chính thế. Tôi gặp giả nhời.

— Tôi cũng đi với anh.

— Tại sao?

— Vì tôi thích cùng đi với anh!

Tôi không giả nhời. Hẳn lặng lẽ đi cạnh tôi.

Đi như thế độ 200 thước. Tôi chợt thấy tình thế hơi lúc cười. Qua một cửa hàng sách tôi chợt nghĩ đến mua giấy. Cũng là một cách để hỗ trợ anh chàng khó chịu này.

— Tôi vào đây. Thôi chào anh!

— Tôi chờ anh!

Tôi nhún vai bước vào cửa hàng. Nhưng không ở thứ giấy tôi muốn mua. Strickland chờ tôi ngoài cửa. Không nói không chờ, cùng tôi cùng đi cho đến một công viên rộng, ở 5, 6 phố gần nhau. Tôi đứng ngừng bên hồ.

— Anh định đi đường nào?

— Anh đi đường nào đi nữa?

— Tôi về nhà.

— Tôi cũng về nhà. Một tuần trước là với anh. Anh nên chờ tôi rồi rồi rồi rồi!

— Tôi chờ nữa. Tôi biết là anh định chờ.

— Anh có thấy thấy thấy thấy thấy thấy không?

— Có.

— Anh không biết rằng tôi không muốn cùng đi với anh hay sao?

— Sao lại không?

Câu giả nhời làm cho tôi phải nghĩ ngợi. Tôi có cái tật xấu là không thể giữ được người nào làm cho tôi phải buồn.

Nhưng tôi cố gắng về nghề nghiệp.

— Anh thật là tốt. Tôi chưa thấy một người nào đưa giả sức và như anh. Anh lại cứ kám lấy tôi? Anh không biết là tôi không anh hay sao?

— Anh tưởng là tôi để ý đến lời phê phán của anh hay sao?

— Thôi, không nói nữa. Tôi đi thôi, vì tôi thấy trong lòng đã yên ổn. Tôi không muốn nhìn thấy mặt anh nữa.

— Anh sợ tôi làm hư anh hay sao? Hẳn theo mắt anh là, nhìn tôi.

— Chắc anh tưởng anh phải không? Tôi nói.

— Anh tưởng là tôi còn mong anh hay sao? Tôi không nghĩ thế đâu.

— Anh thật là dễ tiện, nếu anh chỉ còn như xu-như.

Hẳn cười gào.

— Anh không ghét tôi đâu... Anh còn muốn qua lại để nhận xét và quan sát. Còn lại cho anh viết sách của anh chàng. Tôi của mọi cho cho khỏi bật cười. Hẳn không nhầm. Tôi sẵn lòng tha thứ hết cho người nào làm cho tôi tưởng tượng của tôi phải làm việc. — Tôi phải cố gắng mới gặp được Strickland. Tôi cố gắng lấy thái độ kho chịu và lãnh đạm. Nếu tôi biết tôi vậy thì hẳn chắc rằng không nhầm. Cố gắng hẳn mang nỗi giận tôi, Tôi chỉ biết cười và lắc đầu đi.

(Còn nữa)

LE DINH CHÂN DỊCH

CON RÙA

CHUYỆN NGẮN của PIRANDELLO

NGUYỄN QUÝ BÌNH dịch

Điều đó có thể làm ta ngạc nhiên được, nhưng cả ở bên Mỹ nữa, vẫn có những người tưởng rằng giống rùa mang được hạnh-phúc lại cho ta. Sự tin nhầm đó gốc ở đâu, tôi không rõ. Nhưng dù sao nữa, thì con rùa hẳn không ngờ mình như vậy bao giờ.

Ông Myshkow có một người đình ninh như thế. Ông này hay mua bán ở các nhà Hối đoá và sáng nào trước khi ra đây, ông cũng mang rùa đặt trên vài thềm: nếu rùa là xem chừng muốn leo lên, những phiếu ông đã chọn thế nào chọn cũng tăng giá; nếu nó rút cõ, co chân, phiếu sẽ vững giá; và nếu nó quay lại để bò xuống, không còn ngần ngại gì, ông đặt ngay giá hạ. Cứ vậy mà chưa bao giờ ông nhầm cả.

Một vậy, ông vào một cửa hàng bán rùa mua một con, rồi đặt vào tay ông Myshkow mà bảo:

Bác lợi dụng nó đi!

Ông Myshkow cảm động lắm. Ông mang rùa về; người ông nhỏ, rùn rầy, mập mập và da màu tuyết, lầy bầy nếu không phải vì ông thích chỉ bị chắc hẳn vì ông ghê tởm. Ông không tự hỏi xem khách bộ hành khi thấy ông cầm rùa trong tay, có quay lại nhìn không. Ông rằng mình thì nghĩ rằng cái vật này giống như một hòn đá, bất động và lạnh lẽo mà lại không phải là một hòn đá dĩ nhiên thế, vì ở trong có một con vật bí mật bỗng chốc có thể thò ra kia, trên tay ông, bốn cái chân khúc khuỷu và đập cùng cái đầu vãi già răn răn.

Cũng nên mong con rùa đừng làm thế chứ không ông Myshkow run sợ lại quảng ngay nó xuống đất bây giờ.

Người ta không thể rời được rằng con Helen và thằng John đã niềm nở đón con rùa, khi cha chúng đặt con vật, như đặt một hòn sỏi trên tấm thảm ở buồng khách.

Mà mắt chúng mới già làm sao, so với đôi mắt trẻ thơ của ông Myshkow!

Hai đứa bé đỡ rơi phịch lên con rùa nằm ở thềm như một hòn sỏi, cái nhún nẩy chịu của bốn mắt bằng abi. Rồi chúng ngàng nhìn cha, định ninh rằng ông ahên sao cắt nghĩa một cách khả dĩ tin được, cho chúng biết tại sao ông lại đem làm một việc kỳ quái thế: là đặt con rùa trên tấm thảm trong buồng khách, chúng định ninh đến nỗi ông Myshkow tự thẹn, ông sờ tay ra: ông mở miệng cười một cái cười vô duyên và nói rằng chẳng qua đó chỉ là một con vô hại; mình thích thì cũng có thể đùa nghịch được với nó. Ông muốn tỏ rõ ngay điều đó, ra bộ vốn xưa ta vẫn là một chàng trai ngoan.

Ông bò xuống thềm rồi, nương nhẹ vô cũng. Ông đẩy ở sau con rùa để nó thò chân ra để nó bò đi. Phải lắm, đầu chỉ cốt cho nó nhận thấy rằng ông ta đã mang nó về trong cái nhà lịch sự và vui vẻ này, đây những kính cùng gương. Ông không ngờ thằng John đã chẳng nề nang gì mấy, sầm ngay thấy một cách chần chẫn làm cho con rùa mất trở ra như đá mới nữa.

Nó lấy đầu bần chân lật ngửa con rùa lên, tởm khặc cựa vật thò bốn chân ra quều quào và lấy đầu hết sức cố lấy mãi lên.

Con Helen, mắt vẫn nhìn như mắt bà lão già, tuyệt nhiên không thay đổi một chút nào phá cười lên, tiếng cười rít như cái seáy vì ở giống nước, khi cái thùng bỗng dưng rơi xuống.

Xem thế đủ biết những trẻ này không trọng sự hạnh phúc mà giống rùa thường mang tới. Trái lại, chúng cứ rành rành rằng chúng cũng chin đưng được con rùa này trong nhà, nhưng ông phải để chúng coi nó như một thứ đồ chơi ngu xuẩn, cứ lấy chân mà hất như thế, đấy. Cho nên ông Myshkow phật ý lắm. Ông nhìn

con rùa ông vừa đặt sắp xuống và đã lại trở ra như đá; rồi ông nhào đến mắt con ông, và lần đầu tiên, ông nhận thấy những sự liêu-lạc bí hiểm làm cho ông bối rối lạ thường, giữa cái già của những con mắt này và cái thiên niên, bất động của con vật kia. Ông lấy thế làm khiếp sợ lắm, và chán nản thấy mình ở mãi không biết được cái trẻ trung trong một thế giới có những chứng cứ xa-xôi và bất ngờ rằng đã già cõi lắm rồi, lại nản nữa có lẽ vì ông đương đời mà ông không hay, một sự gì sẽ không bao giờ xảy ra cả, vì rằng từ đây trở đi, trẻ con sinh ra, đời đã già cỗi như giống rùa kia rồi.

Ông lại hé môi ra, mỉm cười một lần nữa cái cười vô duyên, và khẽ hát hơn bao giờ hết, và ông không có can đảm nữa vì lẽ gì ban ông đã hiểu ông con rùa hay.

Ông Myshkow ấy, ông ta không rõ đời mục đích là gì đâu. Đối với ông, đời không có gì là xác định cả đời không quan trọng như những sự xưa nay đã quen biết. Bất có thể một buổi sáng kia, đương lúc giờ chẵn sắp bước vào thung lũng ông rất đột ngột nhiên khi trông thấy thân thể ông, như thể trong 42 năm giới ông đã sống, ông chưa bao giờ nhìn tới nó và bây giờ là lần đầu ông khám phá ra vậy. Giới ơi! Thân thể gì mà khéo coi vậy, tròn trịa thế này, không biết thẹn thò gì cả chính khi ông tự nhiên nữa. Ông thích không biết đến thân thể ông hơn. Nhưng ông cũng cho điều này là hệ trọng; từ xưa ông vẫn tự-trường bằng cái thân thể đó. Ông chỉ lấy làm lạ rằng trong 42 năm giới ông đã sống trong cái thân hình ấy. Phải, chắc là ông ở đây ấy chứ, — mà nào ai biết đích là ở chỗ nào! Có lẽ ông đã hay bằng, bởi sự này đến sự khác, giữa những sự này đến cho ông là thuộc về đến giờ, khi ấy thân thể ông không phải là thân thể ngày nay; vậy thân thể ông hồi đó thế nào? Thật là buồn bực khi không hiểu được rằng sao thân thể ta lại nhất định phải như thế này, chứ không

phải là một thân thể khác, không giống gì nào.

Hơn hết là đừng nghĩ gì đến những sự ấy nữa! Rồi, trong tâm, ông lại mỉm cười với cái cười vô duyên của ông, quên cả rằng mình nằm trong thung lũng đã lâu. Ô! những tấm màn mousseline treo vào những tấm kính ở chiếc cửa sổ to mới rọi rõ sáng làm sao, và ngoài vườn, trong khí xuân, những ngọn cây to dựa đầy mới nhẹ nhàng đẹp để làm sao! Bây giờ ông lau thân thể ông trông quá xấu xí thật. Nhưng ông phải công nhận đó là đẹp, và cốt cho cái thân thể đó hưởng cái thân thể — điều này ông ngạc nhiên hết sức — đã được thân mật thâm kín với một người đàn bà khéo hiểu như bà Myshkow vợ ông.

Lấy vợ được chín năm rồi mà ông còn như bao học, như treo trong cái lưới mắt của sự kết hôn lạ lùng với bà Myshkow.

Chưa bao giờ ông dám, sau mỗi bước, tiến lên không do dự và không tự hỏi rằng mình có thể tiến thêm được bước nào nữa chăng! Thế cho nên sau ông thấy như gầy, gầy ló, như kinh hồn vì thấy những bước dứt quãng ông phải đi để dấu ông đã quá xa rồi. Ông có nên kết luận rằng ông còn đi được nhiều bước nữa hay không?

Thế rồi nhất đán, tuy ông không hẳn chắc chắn thế, ông đã thành chồng bà Myshkow.

Sau 9 năm ấy, bà Myshkow hãy còn quá trẻ hững, quá xa-xôi với hết cả mọi sự, cả với cái nhàn sắc trọng sự của bà; hãy còn quá kín đáo quá bóng bẩy, khéo hiểu quá theo một cách riêng của bà, đến tưởng rằng không thể nào bà lại lấy một người chồng mập mạp, da màu huyết như ông Myshkow. Trái lại, người ta hiểu rõ lắm, rằng sao cặp vợ chồng ấy đã sinh ra hai đứa con hư hỏng như thế. Nếu ông Myshkow, chính ông Myshkow ấy, đã mang chúm trong bụng thay cho vợ thì chắc vì ông không sinh ra đời như vậy. Dẫu vậy, bà đã mang nặng, chính bà Mysh-

học và, mỗi đứa trong chín tháng giới, và chắc chúng đã kết nguyên hình từ lúc đầu, sau lại bắt buộc phải ở lâu thế trong một cái bụng sứ, giống như những viên kẹo dragées trong hộp, cho nên chúng đã già đi nhiều quá trước khi ra đời.

Troeg ch năm chúng cha ấy dĩ nhiên là ông Myszkow đã sống trong sự sợ hãi liên miên rằng vợ sẽ vấp vào một cái gai vô ý hay một cái chỉ vô tình, lấy sợ xin lý dị. Ngày hôm đầu là ngày gả góa nhất cho ông vì — điều đó ta dễ đoán lầm — ông đã đến được đó mà vẫn không chắc bà Myszkow có biết ông phải làm gì để thực được thành công hay không. Nhờ giới bà biết lắm! Nhưng về sau tuy nhiên ông không hề lộ ý mình còn nhớ rằng đã dám tự do hành động như vậy. Như thế thực bà đã không đem góp gì vào đây cả rồi, về phần ông, ông được tự do hành động như vậy, và về nhà bà, bà được nể đến sự ấy nữa. Ấy thế mà rồi cũng để ra được một gái, con Helen, rồi lại đẻ ra một gái nữa, thằng John. Thế rồi lại hẳn. Không hề để động gì đến sự thay nghề của mình, cả hai lần bà đều vào bệnh viện và một tháng rưỡi sau bà ra, lần đầu với một đứa con gái, lần sau với một đứa con gái, ít lâu con gái lại già hơn đứa con gái. Tại là chẳng còn hiểu gì được rồi cả! Cảm nghĩ không cho đến bệnh viện thăm bà. Thế cho nên không hiểu cả lần đầu tiên là (sao, thấy bà có mang, không hề biết vợ mang nặng để lâu thế nào mà tự nhiên ông thấy mình ở trong nhà với hai đứa con ấy, như với hai con chó con của ngoại phố, không thật chắc rõ phải vợ mình đó không, cũng chẳng biết rõ phải con mình chẳng nữa.

Ông Myszkow hẳn không hề nghĩ ngợi gì về những điều này cả, đến nỗi ông, tưởng hai đứa con đó là vài chứng cơ cụ kỷ và chắc chắn rằng bà Myszkow đã thấy trong đời sống chung, sự đến bà sống đáng với những sự đau đớn mà một bà mẹ sinh nở hai lần phải chịu.

Vì thế hôm ấy ông chẳng biết năng ra sao, sau khi đi thăm vợ ở bệnh viện mười hôm trước khi về nước Anh, bà con tuý ông nắm bỏ

xuống tắm, tắm buồng khách trước mặt con rửa, hai đứa con bám lại sưng quanh lưng và vỗ lỗ má chớ nhạo nhối. Bà không nói gì cả hay có lẽ; chỉ ngửa mặt cười. Bà đã biết tất cả với ông rồi, và tức khắc ra tìm mẹ ở khách sạn. Một giờ sau, bà gửi cho ông mấy chữ, có ông quyết bất ông chọn lấy một đường: một là quá già rồi đi, hai là bỏ bà ra. Nếu bằng lòng bỏ bà thì bà theo mẹ sang nước Anh.

Sau cơn hoảng hốt, ông Myszkow hiểu ngay rằng rửa chẳng qua chỉ là một cơ để sinh chuyện. Đúng đắn câu thế được! Xin lý dị vì một cơ trả con thế à? Con rửa này là một trở ngại để tránh lầm. Nhưng chính vì thế mà nó lại hóa khó tránh hơn là giả bà bắt ông đổi cái phần thế đi, hay ít nhất phải thay cái mũi này lấy một cái mũi khác, bà ra hơn.

Nhưng ông không muốn cũng như như vợ Ông bèn giả lời rằng bà cứ việc về nhà: ông thừa số vợ con rửa đi. Mà nào ông có thích con rửa ấy đâu! Ông cảm nó về chẳng qua cũng tại người ta bảo rằng giống rửa orang được hạnh phúc lại cho ta, nhưng phải quý nặng ông lại được người hiền phụ như bà, lại có hai quý từ như con ông bà, ông còn cần gì đến rửa nữa! Ông còn khao khát niềm hạnh phúc, nào nữa vậy?

Vậy nên ông lại ra ngoài phố, cầm rửa ở tay để đi tìm nơi nọ hợp hợp là nhà ông mà đặt con vật đương khách sạn ấy. Trời đã tối, hãy giờ ông mới biết và lấy làm lạ. Tuy ông đã quen nhìn cái quái tượng của thành phố mệnh mệnh này, mắt ông vẫn như mới trông thấy lần đầu đề vẫn ngạc nhiên và vẫn hơi buồn, mỗi khi ông nghĩ rằng những kiến thức vĩ đại kia không được người ta nhận làm những cái của hòa bình đó chỉ là những cái mà ngoài tầm thời và không lẽ của một phiên chợ lớn, vài những nhà thợ sửa ảnh sáng sủa hơn hẳn nhìn mãi thành có một nỗi buồn vô tận, với biết bao nhiêu những sự nữa cũng tầm họ và cảm động cả.

Ông Myszkow đi mãi. Rồi ông quên hẳn mất rằng tay ông hãy còn cầm rửa. Ông sợ nhớ ra

Và thăm nghĩ giá bỏ bỏ trong cái vườn, gần nhà ông Tli Lon. Đứng này ông lại đi thẳng đến cửa hàng bán ông đã mua rùa. Ông mang mang như ở đầu Đường 49 thì phải, ông cứ đi mãi, tay vẫn nhìn như vắng mặt của hàng của ông. Nhưng tưởng chừng như với luôn là cá mè của ông đều cần phải đập nát vào một cái cửa đóng.

Đến nơi, ông nhìn trong giấy lát của hàng đã đóng rồi thật. Rồi ông nhìn con rùa: làm thế nào bây giờ? Để nó xuống đất này à? Một cái xe ô-tô hàng đi qua, ông bước lên xe. Ông giả vờ quên con rùa trên xe rồi ông xuống một chỗ nào đấy.

Tức rằng con vật con con cứ chơi mãi trong mai nó nên trông không giống như. Tưởng tượng một con rùa bán được để dự tiệc trong thành phố New York cũng cực kỳ thục.

Không, không Ông Myshkow hồi rằng sao mình lại nghĩ thế. Ông thăm cho mình là ác và ông xuống xe. Park Avenue gần ngay đây, giữa thấy dài một hàng hướng hoa có những hàng rào diêm hèn của bao bọc. Ông sẽ bỏ con rùa ở đây trên cỏ. Nhưng ông vừa nhẹ nhàng đặt nó xuống thì một viên cảnh sát đứng gác ở góc Đường 50, dưới một tròng sổ những cái chòi không lồ của Walperf Astoria, trông thấy đã sờ ngay lại. Viên cảnh sát muốn biết ông đi gì xuống cỏ. Một quả bom chắc? Không, không hẳn là một quả bom đâu! Ông Myshkow mỉm cười với viên cảnh sát, tỏ ý rằng mình thì làm sao rồi việc ấy! Có con rùa xoàng thôi đấy mà! Viên cảnh sát bắt ông nhặt nó lên ngay: nhà nước đã cấm ngặt không được mang giống vật gì vào trong những luống hoa cơ mà.

Thế cấm cả con rùa này à? Ông Myshkow liền thưa với ông cảnh sát rằng gọi là hòn đá thì đáng chứ súc vật gì đó. Và ông tưởng nó có làm hại gì đâu; và lại, nhất định thế nào ông cũng phải quảng nó đi vì nó cũng lẽ tới bộ trọng về gia đình. Viên cảnh sát tưởng ông chế tạo mình, liền tròn sọc mắt dữ tợn, nhìn ông. Thế

là ông Myshkow lại với vàng nhặt rùa lên. Rồi ông cúi tìm cười nói:

— Người ta bảo tôi rằng giống rùa này đang được hạnh phúc đến cho ta. Ông không muốn dùng nó à? Tôi xin biểu ông đấy.

Viên cảnh sát dún vai và bắt ông sọc ngay, cả ông lẫn con rùa của ông nữa. Thành ra ông Myshkow lại vẫn cầm con rùa trong tay, phân vân quá. Giới ơi, ông để nó chỗ nào mà không được, giữa hè, hay dưới mũi viên cảnh sát đã tròn sọc mắt dữ tợn, nhìn ông cũng chẳng sao nữa là, vì nói thế, chứ có bao giờ ông tin không lẽ tới bộ trọng về gia đình đâu. Bỗng ông dừng lại, ông vừa chợt có một ý. Phải sao ông lại không nghĩ thế này? Con rùa này là một cơ và hồ vợ ông không vin vào đấy được. Ắt lại tìm có khả năng sinh chuyện. Nhưng tìm sao cho thấy một cơ, lỗ bích như thế này và cứ vin vào đấy thì sao bà cũng trái. Khi ra trước quan tòa và trước công chúng. Đồ lễ độ này thì chẳng ngu傻瓜 làm sao? Nghĩ đoạn ông nhất định mang ngay rùa về nhà.

Bà Myshkow đang ngồi trong buồng khách. Không nói nữa nhời, ông chỉ xuống trước mặt, vợ và đặt con rùa ở chân bà, trên bậc thềm như đặt một hòn sỏi.

Bà Myshkow chồm ngay lên, nó té chạy vào buồng, đội mũ ra.

— Tôi sẽ khai với quan tòa rằng ông thích hầu bạn với con rùa hơn là hầu bạn với vợ ông cho mà xem.

Và bà đi thẳng.

Và hình như con vật nhỏ kia cũng đã hiểu, bỗng nó thò cả bốn chân, thò cả đầu lẫn đuôi ra và lắc lư lắc lư cả người tựa hồ như khiêu vũ. Nó bỏ qua gian phòng. — Ông Myshkow không thể không lấy thế làm vui thích, tuy vậy thích một cách rụt rè Ông mừng thầm và nhìn bà đi thẳng, tuy không hẳn chắc chắn lắm, nhưng ông cũng tưởng như tìm thấy

— Hạnh phúc! Hạnh phúc!

PIRANDELLO

NAN NHÂN-MÃN VÀ VIỆC DI-DÂN (Tiếp theo trang 10)

Công cuộc di dân, quan niệm và tổ chức như trên là một công cuộc có tính cách kinh-tế như không phải là một công cuộc xã hội. Trong năm mươi năm rày người ta coi công việc di dân như một công việc cứu-tế. Bởi vậy nó chỉ được thực hiện trong phạm vi nỗ lực sự cố gắng cùng có cường và thiếu hẳn cái tin tưởng mạnh mẽ rằng công cuộc khẩn hoang chắc chắn đưa đến những kết quả lợi cho tất cả Đoàn thể.

Cái thái độ tâm thần ấy phải thay đổi Công cuộc di dân khẩn hoang phải được coi như là một phần trong chương trình khuếch trương nền kinh-tế của toàn quốc cũng như ngày xưa nó hiển thị cái sắc bành trướng của dân-tộc Việt-Nam. Nó phải là một công cuộc kinh-doanh cũng như ngày xưa nó là một công cuộc chính trị để thực hiện cái mục đích xưa cũng như nay: giải quyết một vấn đề sinh-tử - cái vấn đề sinh, sống của cả một dân tộc. Hình thức đã thay đổi. Nhưng chỉ qua quyết lúc nào cũng thế. Các kết quả quyết ấy cần cho việc xây dựng một chương trình đại cục. Chính nhờ chỉ quả quyết ấy người ta mới có thể vượt khỏi những trở lực to lớn do tạo hóa dựng lên, rồi đã làm thất bại biết bao nhiêu cuộc thí nghiệm và tỏ rõ ràng trong công việc này những phương sách nhỏ bé không có một hiệu-lực gì cả, trái lại với nhiều việc khác mà kết quả có thể cân xứng với vốn bỏ ra và sự cố gắng đã làm. Chính nhờ chỉ quả quyết ấy người ta mới chịu nổi những hy sinh nặng nề về tiền tài. Bởi vì chỉ quả quyết ấy dựng trên cái tin tưởng mạnh mẽ này là một khi những trở lực tự nhiên đã vượt nổi, thì công cuộc sẽ đem lại những nguồn lợi lớn cho Đoàn thể.

VŨ ĐÌNH HÒE

Tác giả bài này thành thực cảm ơn ông Thiết đàn đã cho biết, trong số Tự-trị ngày 22 tháng 6-1945, rằng cái cảnh đồng rộng ở tỉnh Tân-An mà người Pháp gọi là Plaine des Jones thì tên Việt Nam là Đồng Tháp Mười.

V. H.

Hiếu « Dân vì quý » như thế nào ? (Tiếp theo trang 5)

Quyền hạn của các cơ quan cầm quyền và sự giao tiếp giữa các cơ quan ấy, hệ thống đó gọi là một Hiến pháp. phải sẽ dịch mảy chữ « dân vì quý » từ ý niệm luân lý đạo đức sang ý niệm chính trị thực dụng.

« Kinh » nghĩa là nhẹ. Trên cân cán, quyền lợi của dân phải « nặng » hơn quyền lợi của vua. Ngày xưa quyền lợi của vua và của dân có thể xung đột nhau là bởi vua coi giang sơn như của riêng. Đồ vật của ta; ta đập phá nó hay là ta gài, gài nặng mìn nó, đó là tùy sở thích của ta. Đồ vật, nếu nó có một linh hồn tất sẽ không muốn bị hủy hoại. Nhưng ngày nay vua chỉ là một cơ quan chính trị trong những cơ quan chính trị vụ mục đích cai trị « vì dân » và « bởi dân », chẳng phải là chủ sở hữu một cái gì cả; thì sự mâu thuẫn giữa quyền lợi vua và quyền lợi dân, không thể quan niệm được nữa. Người ta đã đi xa quá tư tưởng của Mạnh rồi. « Dân vì quý », lẽ của Mạnh, nhưng ý nghĩa theo ta hiểu, có khác của Mạnh.

ĐINH GIÁ TRINH

KÍNH CÁO ĐỘC GIẢ

Số THANH-NGHỊ 115 đăng lộ ra ngày 30 tháng 6 năm 1945, song vì máy in lỏng nên chậm, đến nay mới rá được, xin các bạn đọc lượng thứ.

THANH-NGHỊ

Bá Cáo

HỘI TÂN-VIỆT-NAM - chưa lập chi-bộ ở Vinh, mà cũng chưa ủy quyền cho ai lập chi-bộ nơi đó.

Vậy những bạn nào ở Nghệ-An muốn vào Hội, xin giác thiệp thẳng với Trung-Ương tại Hà Nội.

Ủy-Ban Chấp Hành

TÂN-VIỆT-NAM HỘI

Trụ sở 24, phố Hàng Da, Hà-Nội

So' thu y vớ'i viêc kien thiet nu'o'c Viet Nam mo'i

(Tiếp theo trang 6)

-Sự chỉ dẫn cách thức chăn nuôi cho dân chúng bắt buộc sở Thú-y tìm hiểu cách mau chóng mà trên các tạp dịch, lễ sức vật cho dân chúng.

Phải có đủ người làm, phải có đủ khí cụ, đầy đủ là sự cố yếu, mà từ xưa đến nay người ta vẫn không đạt được. Sở Thú-y các tỉnh cần phải cải cách lại, để đảm bảo bất cứ ai, tự người già đến trẻ con, hiểu biết đến sự lợi ích của sở Thú-y.

Ngoài việc hướng dẫn, khích sự chăn nuôi và bài trừ các bệnh dịch tế súc vật cho dân chúng, sở Thú-y còn phải khám xét các thực phẩm (thịt, cá, sữa tươi, đồ hộp, đồ nguội v. v....) để bảo vệ sự vệ sinh chung cho dân chúng.

Xét qua mục đích của sở Thú-y như trên thì công việc của một thú-y-sĩ trong một tỉnh, không phải nhàn nhõa, mà cần rất nhiều thú-y-tá giúp việc.

Thú-y-sĩ không phải chỉ làm việc trong tỉnh lỵ, mà còn trông nom cả toàn hạt một tỉnh. Thí dụ một tỉnh có 10 phủ huyện hay 10 châu, 500 làng thú-y-sĩ phải đi kinh lý khắp các nơi vậy phải tổ chức thế nào? Theo ý tôi, mỗi phủ huyện hay châu phải có một viên thú-y-tá. Viên thú-y-tá ấy lựa chọn ngay người trong hạt, nếu là một châu người Thái, thì dùng người Thái, nếu là người Thổ thì dùng người Thổ (1).

Các thú-y-tá ấy do các thú-y-sĩ hàng tỉnh đào tạo sau một thời kỳ học tập và tập sự ở trên

tỉnh lỵ. Họ sẽ có lương về chức tước cùng ngang hàng với một công chức trong châu.

Các thú-y-tá hàng tháng đi kinh lý trong hạt mình để khuyến khích sự chăn nuôi trông nom các súc vật giống; theo huấn lệnh của thú-y-sĩ trên tỉnh lỵ kiểm soát các kết quả đạt được trong sự chăn nuôi và làm tờ trình lên tỉnh.

Mỗi khi có bệnh truyền nhiễm phải lập tức báo ngay lên tỉnh cho thú-y-sĩ gửi các thư cần dùng lên tỉnh cho thú-y-sĩ khám nghiệm sưng máu v. v.,) và khi rõ là bệnh gì rồi, giúp thú-y-sĩ tiêm thuốc cho súc vật.

Mỗi phủ, huyện châu to tại cần phải hai người thú-y-tá, nhất là trên Thượng-du đường đi lại khó khăn và chăn nuôi nhiều.

Ngoài việc trông nom sự chăn nuôi, và bài trừ các bệnh truyền nhiễm, thú-y-tá giúp việc còn phải khám các thực phẩm nơi mình làm việc để bảo vệ vệ sinh chung.

Sở thú-y hàng tỉnh phải có một thú-y-sĩ đứng đầu, một thú-y-tá giúp việc giấy má và phụ phòng thí nghiệm. Tùy từng tỉnh, mỗi sở thú-y phải có một phòng thí nghiệm to hay nhỏ để thử các bệnh một khi nhận được sưng máu các phủ huyện hay châu gửi về. Nếu là một bệnh khó khăn không tìm ra, lúc ấy mới phải gửi về phòng thí nghiệm trung ương để xét; một phòng thuốc có những thứ thuốc cần dùng, mỗi khi có bệnh truyền nhiễm phát ra là có thuốc mau đi tiêm ngay cho các súc vật một cách nhanh chóng. Thú-y-sĩ hàng tỉnh sẽ có một trường-trình hàng tháng đi kinh lý từng phủ huyện hay châu một, kiểm soát các công việc của Thú-y-tá và xem xét kỹ lưỡng kết quả sự chăn nuôi trong hạt. Sau hết thứ

(1) Các Thú-y-Tá ở người trong hạt, quen với cách thức và sự sinh sống ở hạt mình, am hiểu các việc của Thú-y-Tá ở Trung-châu: tên họ, dân số và châu hân công việc

y-sĩ sẽ lập những trại chăn nuôi kiểu mẫu ở các phủ huyện, để làm gương cho dân chúng. Phải tổ chức luôn luôn luôn những cuộc thi gia súc những cuộc nói chuyện về chăn nuôi ở tỉnh hay ở các phủ huyện.

Muốn khuyến khích một cách chắc chắn nghề chăn nuôi; thì ngoài các tiền-thưởng, vẫn bằng phát cho các nhà chăn nuôi trong các cuộc thi gia súc, còn phải sửa đổi lại những luật-lệ bỏ được những nhà chăn nuôi, cho họ làm ăn được dễ-dàng, cho họ hi-vọng bán được hàng của họ một cách chắc chắn và có lợi như thế họ mới hăng hái theo đuổi công việc của họ. Thí dụ còn gì chăn bằng cho các nhà chăn nuôi bằng một dạng « nhà nước » khuyến khích họ lấy giống lợn tốt, để nuôi cho thật to, rồi một ngày kia (1). Một vài thí dụ nhỏ làm ngừng trệ sự chăn nuôi sữa ta, mà tuy sở thú-y cố hết sức khuyến khích, các nhà chăn nuôi cũng đành từ bỏ mà không dám theo đuổi nghề nữa.

Bảo rằng sở Thú-y không hoạt động mấy trong nghề chăn nuôi, nhưng phải hiểu rõ có những luật-lệ bỏ được nghề ấy. một phần, các nhà chức trách hành thật-lệ ấy nghiêm khắc hai phần.

Trong lúc mọi người ai ai cũng hăng hái làm việc để kiến-thiết quốc-gia tôi rất mong rằng sở Thú-y cũng chống được cái cách lại về đủ phương-diện để các thú y-sĩ các tỉnh có thể hoạt-dộng trong nghề mình ngỗ hầu giúp ích cho các nhà chăn nuôi, trừ các bệnh dịch để sức vật cho dân chúng một cách hiệu nghiệm và bảo vệ sự vệ-sinh chung trong nước.

Thú y-sĩ Lao-kay
NGUYỄN VĂN CHẾ

(1) Ông Tỉnh Trưởng họ đòi mua lợn của họ bằng giá « hội đồng ». Khuyến khích họ lấy giống ngựa cho tốt, để một ngày kia « hội đồng » đến khám, mua ngay của họ bằng giá hội đồng định đoạt.

NHA XUAT BAN THỜI ĐẠI

HOÀNG ĐẠO THỤY

Trại nước Nam làm

gi ? 4.00
Nghề Thầy 5.50

ĐẶNG THÁI MAI

Lỗ Tồn 6.00

NGUYỄN KỶNG

Hội thể tán 6.00

THANH TỊNH

Ngậm ngải tìm trăm 2.00

XUÂN DIỆU

Gửi hương rho gió 12\$00
Trường ca 7.00

ĐANG IN : Nguyễn Tuấn (Nguyễn)
Xuân Diệu (Thanh niên viết quốc văn)
214, Hàng Bạc Hà-nội

NHA XUẤT BAN THỜI ĐẠI TRINH BAY

2 tác phẩm XUÂN DIỆU

MỘT TẬP VĂN

TRU'ÔNG CÀ

(SÁCH IN HAI MÀU, GIÁ 7\$00)

MỘT TẬP THƠ

GỬI HU'ÔNG

CHO GIÓ

(SÁCH IN HAI MÀU, GIÁ 12\$00)

CHÚNG TA HÃY

— CHĂM CHÚ NHẬN RÕ - NGÀY NAY....

— VỮNG LÒNG TIN CÂY NGÀY MAI....

— ĐOÀN KẾT, ĐỂ THẮNG HẾT MỌI TRỞ LỰC....

BẢO

THANH - NGHỊ

TĂNG GIÁ

Các báo hàng ngày đã tăng giá từ 0\$20 lên 0\$30.
Các bạn đọc hẳn cũng xét cho vị tình - thế bất buộc
báo THANH - NGHỊ cũng phải tăng giá từ 0\$30
lên 1\$20 bắt đầu từ số 103, và vui lòng lượng - thứ.

GIÁ BÁO DÀI HẠN

1	năm	55\$00
6	tháng	20. 00
3	tháng	15. 00
1	tháng	5. 00
Chính-phủ		gấp.đôi

Cuốn sách đầu tiên trong bộ Thanh-Nghị từng thư

ĐÃ PHÁT HÀNH NGÀY 1 THÁNG 6 NĂM 1945

== NHỮNG PHƯƠNG-PHÁP GIAO-DỤC Ở CÁC NƯỚC VÀ == VẤN ĐỀ CẢI CÁCH GIÁO DỤC

của VŨ ĐÌNH HỒE — GIÁ 7\$00

ĐẠI LÝ NGÀI NÀO NHẬN BÁN BAO-NHIÊU XIN GỬI GIA ĐU NGÀY

TIỀN, XIN LẤY-TỪ 10 QUYỀN GIO' LÊN. TRỪ HOA HỒNG 20%

GỬI NGÂN PHIẾU (HO: VŨ ĐÌNH HỒE 15 PHỐ HÀNG DÀ, HÀ-NỘI)



SẼ PHÁT HÀNH NGÀY MỒNG 1 THÁNG 8 1945

== CUỘC TIỀN HOA CỦA ==

NỀN TƯ' BẢN ÂU TÂY

của VŨ VĂN HIỀN

Chủ nhiệm : VŨ ĐÌNH HỒE — nhà in riêng của T. N.
GIẤY PHEP-NGÀY 16 THANG CHẬP NĂM 1944 SỐ 6709